

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan  
(trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Kinh doanh số**

0303576603

ngày 6 tháng 8 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 6 tháng 8 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu tiên số 4103002877 được cấp ngày 18 tháng 11 năm 2004.

**Hội đồng Quản trị**

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch
Ông Hồ Hùng Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Thành viên
Ông Lars Kjaer	Thành viên
Ông Dominic Edward Salter Price	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Michael Hung Nguyen	Phó Tổng Giám đốc
Ông Seokhee Won	Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza  
17 Lê Duẩn  
Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San) (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) tại thời điểm và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo Tài chính Giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Khi lập các báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán phù hợp có được tuân thủ hay không, và các khác biệt trọng yếu đã được thuyết minh và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoặc Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty và Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ theo các yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo Tài chính Giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Công ty và Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính này.

## PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tôi, Nguyễn Đăng Quang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thay mặt cho Hội đồng Quản trị, phê duyệt các báo cáo tài chính của Công ty và Tập đoàn đính kèm tại thời điểm và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo Tài chính Giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng Quản trị   
  
Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 8 năm 2015



**KPMG Limited Branch**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax +84 (8) 3821 9267  
Internet www.kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông**  
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San) (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) bao gồm các bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 8 năm 2015, được trình bày từ trang 4 đến trang 109. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính, do đó công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty và của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty và của Tập đoàn cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo Tài chính Giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam  
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230  
Báo cáo soát xét số: 15-01-412



Hà Vũ Định  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0414-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0304-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2015

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con  
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**Mẫu B 01a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			30/6/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND Phân loại lại	30/6/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND Phân loại lại
<b>TÀI SẢN</b>						
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>21.069.797</b>	<b>16.428.327</b>	<b>975.475</b>	<b>7.247.661</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>7</b>	<b>9.555.419</b>	<b>5.166.415</b>	<b>444.257</b>	<b>517.251</b>
Tiền	111		691.216	302.970	12.407	9.901
Các khoản tương đương tiền	112		8.864.203	4.863.445	431.850	507.350
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>8</b>	<b>2.067.123</b>	<b>4.042.212</b>	<b>11.273</b>	<b>239.614</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.067.123	4.042.212	11.273	239.614
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>9</b>	<b>3.401.451</b>	<b>5.227.550</b>	<b>445.721</b>	<b>6.420.798</b>
Phải thu khách hàng	131		1.743.992	4.346.998	18.883	3.072.190
Trả trước cho người bán	132		972.338	341.231	134.761	134.636
Phải thu từ cho vay ngắn hạn	135		-	-	-	2.172.320
Phải thu khác	136		710.589	527.770	292.077	1.041.652
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(26.492)	(2.064)	-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.024	13.615	-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>5.620.574</b>	<b>1.604.854</b>	-	-
Hàng tồn kho	141		5.651.811	1.627.172	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(31.237)	(22.318)	-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>425.230</b>	<b>387.296</b>	<b>74.224</b>	<b>69.998</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		125.280	70.227	4.310	396
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		281.350	295.726	51.759	50.380
Thuế phải thu Nhà nước	153		18.600	21.343	18.155	19.222

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con  
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			30/6/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND Phân loại lại	30/6/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND Phân loại lại
<b>Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>50.228.852</b>	<b>36.536.773</b>	<b>22.465.220</b>	<b>17.399.699</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>9</b>	<b>8.286.158</b>	<b>1.447.633</b>	<b>7.938.645</b>	<b>5.025.630</b>
Phải thu khách hàng dài hạn	211		18.883	-	18.883	-
Phải thu từ cho vay dài hạn	215		6.830.337	-	4.169.874	2.283.927
Phải thu dài hạn khác	216		1.436.938	1.447.633	3.749.888	2.741.703
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>24.841.010</b>	<b>20.253.476</b>	<b>6.541</b>	<b>9.443</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	18.389.404	18.409.913	4.822	7.172
Nguyên giá	222		20.377.898	19.887.100	20.847	20.759
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.988.494)	(1.477.187)	(16.025)	(13.587)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	12	38.137	44.867	-	-
Nguyên giá	225		67.300	67.300	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(29.163)	(22.433)	-	-
Tài sản cố định vô hình	227	13	6.413.469	1.798.696	1.719	2.271
Nguyên giá	228		7.031.713	2.262.894	4.532	4.532
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(618.244)	(464.198)	(2.813)	(2.261)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4.948.185</b>	<b>3.811.051</b>	-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	4.948.185	3.811.051	-	-
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>8</b>	<b>8.901.247</b>	<b>8.745.176</b>	<b>14.515.029</b>	<b>12.322.338</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-	5.582.605	3.389.914
Đầu tư vào công ty liên kết	252		8.880.513	8.601.126	8.932.424	8.932.424
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		21.646	-	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(912)	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	144.050	-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.252.252</b>	<b>2.279.437</b>	<b>5.005</b>	<b>42.288</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	1.937.973	1.369.592	5.005	42.288
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	216.400	117.491	-	-
Lợi thế thương mại	269	17	1.097.879	792.354	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>71.298.649</b>	<b>52.965.100</b>	<b>23.440.695</b>	<b>24.647.360</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

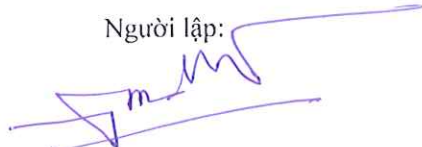
Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			30/6/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND Phân loại lại	30/6/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND Phân loại lại
<b>NGUỒN VỐN</b>						
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>45.347.411</b>	<b>31.039.961</b>	<b>6.278.223</b>	<b>7.116.242</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>12.482.972</b>	<b>11.796.756</b>	<b>973.084</b>	<b>2.341.101</b>
Phải trả người bán	311		2.359.794	999.340	390	1.451
Người mua trả tiền trước	312		182.830	35.786	-	-
Thuế và các khoản phải nộp						
Nhà nước	313	18	308.322	962.550	-	1.127
Phải trả người lao động	314		166.577	258	-	-
Chi phí phải trả	315	19	2.621.027	1.862.531	223.648	215.239
Phải trả khác	319	20	338.568	1.866.738	181.086	1.555.324
Vay và nợ ngắn hạn	320	21	6.466.831	6.042.278	567.960	567.960
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		39.023	27.275	-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>32.864.439</b>	<b>19.243.205</b>	<b>5.305.139</b>	<b>4.775.141</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		66.663	-	-	-
Phải trả dài hạn khác	337	20	81.021	177.901	-	75.141
Vay và nợ dài hạn	338	21	30.386.060	17.521.970	5.305.139	4.700.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16	1.600.537	932.787	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	730.158	610.547	-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>25.951.238</b>	<b>21.925.139</b>	<b>17.162.472</b>	<b>17.531.118</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>25.951.238</b>	<b>21.925.139</b>	<b>17.162.472</b>	<b>17.531.118</b>
Vốn cổ phần	411	24	7.358.081	7.358.081	7.358.081	7.358.081
Thặng dư vốn cổ phần	412	24	9.631.164	9.631.164	9.631.164	9.631.164
Vốn khác của chủ sở hữu	414	25	(9.045.049)	(9.045.049)	(1.488.972)	(1.488.972)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.411.355	7.071.887	1.662.199	2.030.845
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10.595.687	6.909.056	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>71.298.649</b>	<b>52.965.100</b>	<b>23.440.695</b>	<b>24.647.360</b>

Ngày 27 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen  
Phó Tổng Giám đốc  
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6  
năm 2015**

**Mẫu B 02a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND Phân loại lại	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND Phân loại lại
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>27</b>	<b>10.624.517</b>	<b>6.955.510</b>	-	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>27</b>	<b>210.689</b>	<b>104.283</b>	-	-
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 – 02)</b>	<b>10</b>	<b>27</b>	<b>10.413.828</b>	<b>6.851.227</b>	-	-
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>28</b>	<b>6.889.569</b>	<b>4.280.137</b>	-	-
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 – 11)</b>	<b>20</b>		<b>3.524.259</b>	<b>2.571.090</b>	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	551.377	272.467	357.558	3.652.541
Chi phí hoạt động tài chính	22	30	1.169.040	881.763	310.972	573.650
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		970.889	739.854	309.886	573.636
Lãi từ các công ty liên kết	24	31	251.781	41.494	-	-
Chi phí bán hàng	25	32	1.541.139	1.273.243	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	706.709	505.856	422.720	69.878
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>910.529</b>	<b>224.189</b>	<b>(376.134)</b>	<b>3.009.013</b>
Thu nhập khác	31	34	23.319	17.048	7.538	8.379
Chi phí khác	32	35	24.566	4.928	50	1.433
<b>Kết quả của các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(1.247)</b>	<b>12.120</b>	<b>7.488</b>	<b>6.946</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) (mang sang trang sau)</b>	<b>50</b>		<b>909.282</b>	<b>236.309</b>	<b>(368.646)</b>	<b>3.015.959</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6  
năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 02a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty		
		Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014	
		Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	
		Phân loại lại		Phân loại lại		
	Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) (mang sang từ trang trước)	50	909.282	236.309	(368.646)	3.015.959
	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	296.996	329.488	-
	Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	36	(60.552)	(49.157)	-
	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		672.838	(44.022)	(368.646)
	<b>Phân bổ:</b>					
	Cổ đông của Công ty	61		363.826	(333.330)	-
	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	62		309.012	289.308	-
	<b>Lãi trên cổ phiếu</b>					
	Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	38	487	(447)	-
	Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	71	38	484	(447)	-

Ngày 27 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen  
Phó Tổng Giám đốc  
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
		Từ	Từ	Từ	Từ
		Thuyết số	1/1/2015 đến 30/6/2015	1/1/2014 đến 30/6/2014	1/1/2015 đến 30/6/2015
		Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>909.282</b>	<b>236.309</b>	<b>(368.646)</b>	<b>3.015.959</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>					
Khấu hao và phân bổ	02	791.890	707.206	2.990	20.479
Các khoản dự phòng	03	50.851	31.528	-	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện thuần	04	107.494	41.882	(470)	(676)
Lỗi từ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	05	1.798	2.393	-	1.433
Thu nhập từ lãi tiền gửi, cổ tức và thu nhập liên quan đến hoạt động đầu tư	05	(520.428)	(241.175)	(356.836)	(3.651.858)
Chi phí lãi vay	06	970.889	739.854	309.886	573.636
Lãi từ các công ty liên kết	07	(251.781)	(41.494)	-	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>2.059.995</b>	<b>1.476.503</b>	<b>(413.076)</b>	<b>(41.027)</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(50.407)	(776.323)	288.585	(17.894)
Biến động hàng tồn kho	10	(905.572)	(592.554)	-	-
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	975.858	571.027	52.468	(143.033)
Biến động chi phí trả trước	12	(15.978)	-	9.508	-
		<b>2.063.896</b>	<b>678.653</b>	<b>(62.515)</b>	<b>(201.954)</b>
Tiền lãi vay đã trả	13	(870.972)	(928.343)	(303.452)	(455.897)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(862.180)	(420.437)	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.835)	(51.235)	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>325.909</b>	<b>(721.362)</b>	<b>(365.967)</b>	<b>(657.851)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>		
		Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>						
	Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.625.372)	(924.786)	(88)	(1.425)
	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	1.960	1.520	-	-
	Khoản cho vay	23	(8.185.723)	(235.799)	(3.196)	(1.778.985)
	Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(22.458.166)	(12.638.951)	(11.273)	-
	Tiền thu hồi các khoản cho vay	24	1.355.386	-	79.569	606.777
	Tiền gửi có kỳ hạn nhận được	24	25.154.805	15.593.651	239.614	-
	Tiền chi cho đầu tư tăng lợi ích vốn chủ sở hữu vào các công ty con và công ty liên kết	25	(2.248.791)	(287.265)	(3.694.751)	-
	Tiền thu từ chuyển nhượng lợi ích vốn chủ sở hữu trong các công ty con	26	3.129.193	-	3.035.143	-
	Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và thu nhập liên quan đến hoạt động đầu tư	27	527.519	329.638	18.953	547.688
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(4.349.189)</b>	<b>1.838.008</b>	<b>(336.029)</b>	<b>(625.945)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			Từ	Từ	Từ	Từ
			1/1/2015 đến 30/6/2015	1/1/2014 đến 30/6/2014	1/1/2015 đến 30/6/2015	1/1/2014 đến 30/6/2014
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>						
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu mới ở các công ty con cho cổ đông không kiểm soát	31		-	108.566	-	-
Tiền thu từ vay ngắn hạn và dài hạn	33		18.032.606	11.118.735	819.000	735.000
Tiền chi trả nợ gốc vay cho ngân hàng và các đơn vị khác	34		(8.989.349)	(11.418.410)	(190.000)	(188.100)
Tiền chi trả chi phí vay	34		-	(166.760)	-	-
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát bởi các công ty con	36		(634.865)	(1.298.323)	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>8.408.392</b>	<b>(1.656.192)</b>	<b>629.000</b>	<b>546.900</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>4.385.112</b>	<b>(539.546)</b>	<b>(72.996)</b>	<b>(736.896)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>5.166.415</b>	<b>5.698.563</b>	<b>517.251</b>	<b>1.379.279</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>		<b>3.892</b>	<b>1.713</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>7</b>	<b>9.555.419</b>	<b>5.160.730</b>	<b>444.257</b>	<b>642.385</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN/HN

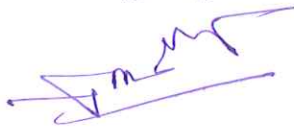
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH PHI TIỀN TỆ**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND
Chuyển lợi ích vốn chủ sở hữu của một công ty con sang một công ty con khác	-	-	-	3.591.682
Mua lại công ty con từ một công ty con khác	-	-	-	1.246.496
Thanh toán khoản cho vay cho một công ty con thông qua các hợp đồng chuyển nhượng các khoản cho vay cho một công ty con khác	-	-	-	7.709.298
Cần trừ cổ tức với một công ty con	-	-	-	1.435.702

Ngày 27 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen  
Phó Tổng Giám đốc  
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San) (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích trong các công ty liên kết của Tập đoàn.

**(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý và tư vấn đầu tư.

**(c) Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường**

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)****và các công ty con****Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn có 41 công ty con (1/1/2015: 22 công ty con).

Danh sách các công ty con và các hoạt động chính của các công ty con được mô tả như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại	
			30/6/2015	1/1/2015
Công ty TNHH Một Thành Viên MasanConsumerHoldings (“MCH”)	Tư vấn quản lý	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,0%	100,0%
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Masan (“MSC”) (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San)	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	78,4%	78,4%
Công ty TNHH Một Thành Viên Thực phẩm Masan (“MSF”) (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Thực phẩm Ma San)	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	78,4%	78,4%
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan HG (i)	Sản xuất thực phẩm tiện lợi	Khu Công nghiệp Sông Hậu, Xã Đồng Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	78,4%	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn (“SNF”) (ii)	Sản xuất thực phẩm tiện lợi	Lô K4, Đường số 2, Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Huyện Dĩ An, Thị trấn Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	78,4%	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghiệp Ma San	Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	78,4%	78,4%

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)****và các công ty con****Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Tên công ty</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại</b>	
			<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Sản xuất gia vị	Lô III-10-Nhóm Công nghiệp III, Khu Công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	78,4%	78,4%
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan HD (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Ma San HD)	Sản xuất gia vị và thực phẩm tiện lợi	Lô 22, Khu Công nghiệp Đại An, Thành phố Hải Dương, Việt Nam	78,4%	78,4%
Công ty Cổ phần Ma San PQ	Sản xuất gia vị	Khu 1, Thôn Suối Đa, Xã Dương Tô, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	74,0%	74,0%
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Beverage	Sản xuất và phân phối đồ uống	Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	78,4%	78,4%
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan ĐN	Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Đường số 7, Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	78,4%	78,4%
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan MB	Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Khu B, Khu Công nghiệp Năm Cam – Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, Xã Nghi Long, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	78,4%	78,4%
Công ty Cổ phần VinaCafe Biên Hòa	Sản xuất đồ uống	Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	41,7%	41,7%
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	Sản xuất đồ uống	Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	50,1%	50,1%
Công ty Cổ phần TM DV & SX Krôngpha	Sản xuất đồ uống	Km số 37, Quốc lộ 27, Thị trấn Tân Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	50,1%	50,1%



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tên công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại	
			30/6/2015	1/1/2015
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery (“MB”)	Tư vấn quản lý	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,0%	100,0%
Công ty TNHH Masan Master Brewery (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Lamka)	Kinh doanh bia và nước giải khát	Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,0%	100,0%
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery PY (trước đây là Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Phú Yên)	Sản xuất bia và nước giải khát	Khu Công nghiệp Hòa Hiệp, Xã Hòa Hiệp Bắc, Huyện Đông Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam	99,9%	99,9%
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery HG (iii)	Sản xuất bia và nước giải khát	Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,0%	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery Distribution (iv)	Kinh doanh bia và nước giải khát	Khu Công nghiệp Sông Hậu, Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,0%	-
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Masan (“MH”) (trước đây là Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San)	Tư vấn quản lý	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,0%	100,0%

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)****và các công ty con****Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Tên công ty</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại</b>	
			<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San (“MR”)	Tư vấn quản lý	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	73,7%	74,1%
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài nguyên Ma San Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	73,7%	74,1%
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	73,7%	74,1%
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo (“NPM”)	Khai thác và chế biến quặng	Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	73,7%	74,1%
Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo – H.C.Starck (“NPHCS”)	Khai thác sâu kim loại màu và kim loại quý (tungsten)	Thôn 11, Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	37,6%	37,8%
Công ty TNHH Masan Nutri-Science (“MNS”) (trước đây là Công ty TNHH Sam Kim) (v)	Tư vấn quản lý	Tầng 6, Tòa nhà Mê Linh Point, 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,0%	-
Công ty TNHH Kenji (“Kenji”) (v)	Tư vấn quản lý	Tầng 6, Tòa nhà Mê Linh Point, 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,0%	-
Công ty TNHH Shika (“Shika”) (v)	Tư vấn quản lý	Tầng 6, Tòa nhà Mê Linh Point, 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,9%	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tên công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại	
			30/6/2015	1/1/2015
Công ty Cổ phần Meiji (“Meiji”) (trước đây là Công ty Cổ phần Masan Agri) (v)	Tư vấn quản lý	Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,9%	-
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“Anco”) (v)	Đạm động vật	Lô A4, Đường số 2, Khu Công nghiệp Sông Mây, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	70,0%	-
Công ty Liên doanh Dinh dưỡng Thủy sản Quốc tế (“Anco Vĩnh Long”) (v)	Đạm động vật	Khu 4, Tuyến Công nghiệp Cỏ Chiên, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam	70,0%	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định (“Anco Bình Định”) (v)	Đạm động vật	Lô B4.06, Khu Công nghiệp Nhơn Hội (Khu A), Huyện Nhơn Hội, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	70,0%	-
Công ty TNHH Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Thái Nguyên (“Anco Thái Nguyên”) (v)	Đạm động vật	Lô B5- B6, Khu Công nghiệp Trung Thành, Huyện Trung Thành, Thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	70,0%	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiền Giang (“Anco Tiền Giang”) (v)	Đạm động vật	Lô 22-23B, Khu Công nghiệp Long Giang, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam	70,0%	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Nghệ An (“Anco Nghệ An”) (v)	Đạm động vật	Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cấn, Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, Thuộc Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	70,0%	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Hậu Giang (“Anco Hậu Giang”) (v)	Đạm động vật	Khu Công nghiệp Tân Phú Thạch – Giai đoạn 1, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	70,0%	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tên công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại	
			30/6/2015	1/1/2015
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc (“Proconco”) (v)	Đạm động vật	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	52,1%	-
Công ty TNHH Một thành viên Proconco Cần Thơ (“Proconco Cần Thơ”) (v)	Đạm động vật	Lô 13, 14 Khu Công nghiệp Trà Nóc 1, Xã Trà Nóc, Huyện Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	52,1%	-
Công ty TNHH Một thành viên Con Cò Bình Định (“Proconco Bình Định”) (v)	Đạm động vật	Lô A-2-5 và Lô A-2-6, Khu Công nghiệp Nhơn Hòa, Xã Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	52,1%	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Toàn Lợi (“Toàn Lợi”) (v)	Đạm động vật	Thôn Yên Phú, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	52,1%	-

---

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Vào tháng 6 năm 2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang đã ban hành Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6300262818 phê duyệt thành lập Công ty TNHH Một Thành Viên Masan HG, một công ty con mới thành lập sở hữu 100,0% bởi MSF. Công ty TNHH Một Thành Viên Masan HG trở thành công ty con được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MSF.
- (ii) Vào tháng 1 năm 2015, MSF đã mua 99,9% lợi ích vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Thực Phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn từ bên thứ ba khác với tổng khoản thanh toán là 200.000 triệu VND, chưa bao gồm phí giao dịch. Giao dịch này dẫn đến SNF trở thành công ty con được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MSF.
- (iii) Vào tháng 2 năm 2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang đã ban hành Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6300259029 phê duyệt thành lập Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery HG, một công ty con mới thành lập sở hữu 100,0% bởi Công ty TNHH Masan Master Brewery (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Lamka). Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery HG trở thành công ty con được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Masan Master Brewery.
- (iv) Vào tháng 2 năm 2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0313132445 phê duyệt thành lập Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery Distribution, một công ty con mới thành lập sở hữu 100,0% bởi MB. Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery Distribution trở thành công ty con được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MB.
- (v) Vào tháng 4 năm 2015, Công ty đã mua 99,9% lợi ích vốn chủ sở hữu của MNS từ bên thứ ba với tổng khoản thanh toán là 2.192.690 triệu VND bao gồm phí giao dịch. MNS nắm giữ 99,9% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Kenji, 99,9% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Shika, 99,9% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Meiji, 70,0% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Anco và 52,1% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Proconco. Giao dịch này dẫn đến Kenji, Shika, Meiji, Anco và Proconco trở thành các công ty con được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MNS.

Anco, một công ty con, nắm giữ 100,0% lợi ích vốn chủ sở hữu của Anco Vĩnh Long, Anco Bình Định, Anco Thái Nguyên, Anco Tiền Giang, Anco Hậu Giang và Anco Nghệ An. Giao dịch này dẫn đến Anco Vĩnh Long, Anco Bình Định, Anco Thái Nguyên, Anco Tiền Giang, Anco Hậu Giang và Anco Nghệ An trở thành các công ty con được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Anco.

Proconco, một công ty con, nắm giữ 100,0% lợi ích vốn chủ sở hữu của Proconco Cần Thơ, Proconco Bình Định và Toàn Lợi. Giao dịch này dẫn đến Proconco Cần Thơ, Proconco Bình Định và Toàn Lợi trở thành các công ty con được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Proconco.

Tất cả các công ty con đều được thành lập tại Việt Nam.

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ thực tế các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty trong các công ty con.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 32 nhân viên (1/1/2015: 32 nhân viên) và Tập đoàn có 8.972 nhân viên (1/1/2015: 7.047 nhân viên).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo Tài chính Giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”).

Báo cáo tài chính được lập và trình bày làm tròn đến hàng triệu đồng gần nhất (“Triệu VND”).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

### **3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006-QĐ/BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây về phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Tập đoàn và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính sau đây.

- Cơ sở hợp nhất (Thuyết minh 4(a)) – lãi hoặc lỗ từ việc mua lại hoặc thanh lý một phần công ty con mà không dẫn đến tăng hoặc mất quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong vốn chủ sở hữu. Lợi ích cổ đông không kiểm soát nay được phân loại lại là một phần của vốn chủ sở hữu;
- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 4(b)) – cách sử dụng các tỷ giá hối đoái thương mại khác nhau nay được chỉ rõ trong Thông tư 200;
- Lợi thế thương mại (Thuyết minh 4(l)) – không phân bổ lợi thế thương mại bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu; và
- Lãi trên cổ phiếu (Thuyết minh 4(w)) – lãi hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông phổ thông của Công ty nay được xác định sau khi trừ đi các khoản trích lập vào quỹ khen thưởng và phúc lợi.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) *Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung***

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất phù hợp với định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực kế toán số 11 *Hợp nhất kinh doanh* và trong sự chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực kế toán số 01 *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực kế toán số 21 *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện tại dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được sáp nhập được xem như là sự phân bổ vốn hoặc góp vốn giả định từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ của Cổ đông Kiểm soát (hoặc từ lúc các công ty được thành lập vào ngày sau ngày bắt đầu của kỳ báo cáo gần nhất, cho giai đoạn từ ngày thành lập đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng).

**(ii) *Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung***

***Hợp nhất kinh doanh***

Tất cả các hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán bằng cách áp dụng phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà sự kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi xem xét sự kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng mà có thể thực hiện được ở hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của công ty được mua sử dụng giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm, được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn, mà Tập đoàn phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong năm.

**(iii) Công ty con**

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát này tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một công ty nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(iv) Các công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)**

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có sự ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Sự ảnh hưởng đáng kể này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20,0% đến 50,0% quyền biểu quyết của một công ty khác. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu) trong báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn bao gồm lợi thế thương mại được xác định tại thời điểm mua trừ đi hao mòn lũy kế của lợi thế thương mại. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi được điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Khi Tập đoàn chia sẻ khoản lỗ của công ty liên kết theo phần sở hữu của Tập đoàn vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm về không và Tập đoàn không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trừ khi Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán hay đã thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

**(v) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) và các khoản mục vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(vi) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

NCI được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**(vii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và các công ty con và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu từ khách hàng, khoản cho vay phải thu và các khoản phải thu khác là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty và các công ty con gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (phải trả và các khoản vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản để hình thành tài sản cố định và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ trong giai đoạn trước hoạt động của Công ty và các công ty con, thì được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi Công ty hoặc các công ty con bắt đầu hoạt động. Khi Công ty hoặc công ty con bắt đầu hoạt động và tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng, các khoản lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thuần có liên quan được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu chưa thực hiện hoặc vào Tài khoản Chi phí trả trước dài hạn. Các khoản lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thuần này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do áp dụng Thông tư 200, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá bao gồm cả chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất. Số dư còn lại chưa phân bổ hết tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đang được ghi nhận ở tài khoản Chi phí Trả trước Dài hạn xấp xỉ bằng 3.443 triệu VND đã được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015. Việc thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố. Do sự thay đổi chính sách kế toán này, lợi nhuận thuần hợp nhất trong giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã giảm xuống 2.686 triệu VND (sau khi trừ đi 757 triệu VND ảnh hưởng thuế thu nhập doanh nghiệp).

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản phải thu từ cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại, chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn, một số chi phí cụ thể liên quan đến tài sản khai khoáng bao gồm chi phí phục hồi mỏ; và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh.

**(ii) Khấu hao**

*Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản*

Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản được khấu hao dựa trên trữ lượng theo phương pháp khối lượng sản phẩm. Trữ lượng khoáng sản là lượng sản phẩm ước tính có thể được khai thác có lãi và hợp pháp từ tài sản khai thác khoáng sản của Tập đoàn.

*Khác*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                            |            |
|----------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa và vật kiến trúc | 4 - 30 năm |
| ▪ nâng cấp tài sản thuê    | 3 - 5 năm  |
| ▪ thiết bị văn phòng       | 3 - 10 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị      | 3 - 25 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển   | 3 - 10 năm |

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trong vòng 5 năm.

**(i) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao đã thanh toán tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 19 đến 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 đến 10 năm.

**(iii) Thương hiệu**

Giá mua của thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận như tài sản cố định vô hình.

Giá trị hợp lý của thương hiệu phát sinh khi hợp nhất kinh doanh được tính bằng việc chiết khấu các khoản tiền bản quyền mà doanh nghiệp tiết kiệm được từ việc sở hữu thương hiệu đó. Giá trị hợp lý của thương hiệu phát sinh khi hợp nhất kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 đến 20 năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(iv) *Mối quan hệ khách hàng***

Mối quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được thông qua việc mua lại công ty con, được vốn hóa và trình bày như một tài sản cố định vô hình.

Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính dao động từ 5 đến 15 năm.

**(v) *Tài nguyên nước khoáng***

Tài nguyên nước khoáng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng cách sử dụng phương pháp so sánh trực tiếp hoặc phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn. Phương pháp so sánh trực tiếp ước tính giá trị của tài nguyên nước khoáng bằng cách so sánh với giá tham khảo/giao dịch gần nhất của tài nguyên nước khoáng tương tự trong cùng một vùng. Đối với phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, giá trị của tài nguyên nước khoáng được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 10 đến 19 năm.

**(vi) *Quyền khai thác mỏ***

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá do ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố theo Nghị định số 2013/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014. Nguyên giá của quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo giá trị hiện tại của tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và được vốn hóa và hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên vòng đời kinh tế của trữ lượng mỏ.

**(vii) *Quyền khai thác nguồn tài nguyên nước khoáng***

Quyền khai thác nguồn tài nguyên nước khoáng được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền khai thác nguồn tài nguyên nước khoáng bao gồm chi phí phát sinh để có được quyền khai thác nguồn tài nguyên nước khoáng và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo có được quyền khai thác này. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính dao động từ 18 đến 30 năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(j) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và tài sản khoáng sản chưa khai thác. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng, lắp đặt và thử nghiệm.

Tài sản khoáng sản chưa khai thác bao gồm giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản, các chi phí liên quan đến việc triển khai trữ lượng trong hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai phát sinh sau này. Những tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Những tài sản này ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý như một phần của giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai liên quan đến việc khai thác sau đó sẽ được vốn hóa sau khi cần trừ tiền thu về từ việc bán khoáng sản khai thác trong giai đoạn triển khai. Sau khi hoàn tất công tác triển khai, mà thời điểm xác định là khi sản phẩm có thể bán bắt đầu được khai thác từ mỏ, tất cả các tài sản này được phân loại thành “máy móc và thiết bị” và “tài sản khai khoáng” trong tài sản cố định hữu hình hoặc chi phí trả trước dài hạn.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Tài sản khai khoáng**

Tài sản khai khoáng bao gồm:

- Chi phí thăm dò, thăm định và phát triển được vốn hóa (bao gồm quy trình bóc dỡ đất đá phát triển mỏ) đối với các tài sản hiện đang sản xuất được vốn hóa; và
- Chi phí bóc dỡ đất đá trong quá trình sản xuất được vốn hóa (như được đề cập dưới đây trong ‘Chi phí bóc dỡ đất đá chờ kết chuyển’);

*Chi phí bóc dỡ đất đá chờ kết chuyển*

Hoạt động khai thác mỏ lộ thiên đòi hỏi phải bóc dỡ lớp đất đá phủ bên trên và các loại phế liệu khác để tiếp cận thân quặng cần khai thác. Chi phí bóc dỡ đất đá phát sinh trong quá trình phát triển mỏ (chi phí bóc dỡ đất đá phát triển mỏ) được vốn hóa vào chi phí mỏ đang xây dựng. Toàn bộ chi phí bóc dỡ đất đá phát triển mỏ đã vốn hóa trong tài sản đang xây dựng được kết chuyển vào tài sản khai thác khoáng sản khác.

Chi phí loại bỏ đất đá trong giai đoạn sản xuất của mỏ (chi phí bóc dỡ đất đá trong quá trình sản xuất) được giữ lại chờ phân bổ khi chi phí này làm phát sinh lợi ích trong tương lai:

- a) Khi công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- b) Khi có thể xác định được thành phần của phần thân quặng mà khả năng tiếp cận đã được cải thiện; và
- c) Khi các chi phí phát sinh có thể được tính toán được một cách đáng tin cậy.

Chi phí bóc dỡ đất đá trong quá trình sản xuất được phân bổ giữa hàng tồn kho đã sản xuất và tài sản bóc dỡ đất đá trong quá trình sản xuất dựa trên tỷ lệ bóc dỡ đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tỷ lệ bóc dỡ đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ là tỷ lệ giữa tổng lượng phế liệu ước tính trên tổng lượng quặng ước tính có thể thu hồi được lợi ích kinh tế trong suốt vòng đời của mỏ. Các chi phí này được vốn hóa vào tài sản bóc dỡ đất đá trong quá trình sản xuất khi tỷ lệ bóc dỡ đất đá thực tế của kỳ hiện tại cao hơn tỷ lệ bóc dỡ đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.

Tài sản bóc dỡ đất đá trong quá trình phát triển mỏ và sản xuất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt giai đoạn khai thác trữ lượng của các thành phần khoáng sản liên quan đã được chứng minh chắc chắn.

**(ii) Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các chi phí thành lập, cũng như các chi tiêu cho các hoạt động đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi phát sinh từ ngày thành lập cho đến ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn, được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

**(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 47 đến 50 năm.

**(iii) Chi phí bồi thường đất**

Chi phí bồi thường đất bao gồm các chi phí phát sinh liên quan và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 20 năm.

**(iv) Trục in, công cụ và dụng cụ**

Trục in, công cụ và dụng cụ được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng từ 1 đến 3 năm.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(I) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung do mua lại công ty con và công ty liên kết.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lợi thế thương mại bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do áp dụng Thông tư 202, lợi thế thương mại bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết không được tiếp tục phân bổ nữa. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

**(m) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

**(n) Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc nghĩa vụ tiềm tàng đang hình thành có thể ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro cụ thể với khoản nợ phải trả đó.

***Quyền khai thác mỏ***

Theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010, một công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước lệ phí của quyền khai thác mỏ. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá mỏ do ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố theo Nghị định số 2013/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014. Tiền cấp quyền khai thác mỏ được ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

***Phục hồi môi trường mỏ***

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Tập đoàn làm phát sinh nghĩa vụ đóng cửa mỏ hoặc phục hồi môi trường mỏ. Hoạt động đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ có thể bao gồm việc giải bản mỏ và tháo dỡ thiết bị; phục hồi mặt bằng đất và khu vực khai thác. Phạm vi công việc phải thực hiện và các chi phí liên quan tùy thuộc vào các quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường (“MONRE”) và các chính sách môi trường của Tập đoàn theo Báo cáo Tác động Môi trường. Thời gian đóng cửa mỏ thực tế và chi phí phục hồi môi trường mỏ phụ thuộc vào vòng đời và bản chất của mỏ.

Khi dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận lần đầu, chi phí tương ứng được vốn hóa như một tài sản, thể hiện một phần chi phí để thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ hoạt động. Chi phí đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ đã vốn hóa được ghi nhận vào tài sản khai thác khoáng sản khác và theo đó được khấu hao. Giá trị của khoản dự phòng tăng lên theo thời gian do ảnh hưởng của việc chiết khấu đến giá trị hiện tại, từ đó dẫn đến một chi phí được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được điều chỉnh theo các thay đổi về ước tính. Các điều chỉnh này được hạch toán như một thay đổi về chi phí được vốn hóa tương ứng, trừ trường hợp số giảm dự phòng cao hơn chi phí được vốn hóa bị trích khấu hao thiếu của các tài sản liên quan, trong đó chi phí được vốn hóa được giảm xuống bằng không và số điều chỉnh còn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

***Chiết khấu bán hàng***

Dự phòng cho chương trình khuyến mãi dài hạn chủ yếu liên quan đến hàng hóa đã bán trong kỳ kế toán. Chương trình này sẽ được quyết toán trong 2 năm và được hoàn trả trong năm thứ ba. Dự phòng chiết khấu bán hàng được lập dựa trên doanh số bán hàng thực tế lũy kế và tỷ lệ chiết khấu cụ thể tương ứng.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Trái phiếu phát hành**

**Trái phiếu**

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**(p) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất của Tập đoàn và Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn và Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn và Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn và Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn và Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn và Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn và Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn và Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn và Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

**(ii) *Nợ phải trả tài chính***

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn và Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Các hợp đồng bảo lãnh tài chính được phân loại trong các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhưng chúng không được ghi nhận trong báo cáo tài chính.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**(q) Công cụ tài chính phái sinh**

Tập đoàn nắm giữ các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro biến động giá nguyên vật liệu. Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo giá gốc tại ngày ký kết hợp đồng phái sinh. Lãi hoặc lỗ công cụ tài chính phái sinh đã thực hiện được ghi nhận là doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(r) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(s) *Vốn chủ sở hữu***

**(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần***

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) *Vốn khác của chủ sở hữu***

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

Biến động vốn chủ sở hữu từ hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung, mua hoặc bán lợi ích vốn chủ sở hữu và các giao dịch có liên quan đến công cụ vốn trước đây được ghi nhận trong Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Vốn khác được phân loại lại thành vốn khác của chủ sở hữu.

**(t) *Doanh thu***

**(i) *Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Đối với doanh thu bán khoáng sản, giá bán thường được xác định sơ bộ tại ngày ghi nhận doanh thu và ngày điều chỉnh giá bán phát sinh sau đó dựa trên biến động giá niêm yết trên thị trường hoặc giá theo hợp đồng cho đến ngày định giá chính thức. Khoảng thời gian giữa thời điểm ghi nhận doanh thu sơ bộ và thời điểm định giá chính thức thường là từ 30 đến 60 ngày, tuy nhiên một số trường hợp có thể lên đến 90 ngày. Doanh thu ghi nhận sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu. Trong trường hợp các điều kiện trong hợp đồng mua bán cho phép điều chỉnh giá bán dựa trên bản khảo sát hàng hóa của khách hàng, kết quả phân tích được kiểm tra bởi một bên thứ ba sẽ được sử dụng, trừ khi bản khảo sát của khách hàng nằm trong phạm vi sai sót đã được chấp nhận, khi đó doanh thu được ghi nhận dựa trên bản phân tích chất lượng sản phẩm gần nhất.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi khấu trừ chiết khấu bán hàng đã tính trên hóa đơn.

**(ii) *Cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được phê duyệt bởi khách hàng dựa trên các điều khoản hợp đồng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(u) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

**(i) *Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi từ cổ tức, lãi tiền gửi, lãi từ khoản cho vay, lãi từ thanh lý lợi ích vốn chủ sở hữu và lãi chênh lệch tỷ giá. Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

**(ii) *Chi phí tài chính***

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, phí duy trì khoản vay, lỗ do chênh lệch tỷ giá và lỗ công cụ tài chính phái sinh đã thực hiện. Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản đủ điều kiện sẽ được vốn hóa như một phần của nguyên giá các tài sản này.

**(v) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(w) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phần bỏ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(x) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn khi tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(y) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(z) Chi trả bằng cổ phiếu**

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên được ghi nhận theo mệnh giá. Việc mua lại những cổ phiếu này được thực hiện bởi các công ty liên quan ngoài Tập đoàn sẽ không được ghi nhận bởi Tập đoàn.

**5. Báo cáo chia theo bộ phận kinh doanh**

Tập đoàn có bốn (4) bộ phận, như được trình bày dưới đây, là các hoạt động kinh doanh chiến lược của Tập đoàn. Các hoạt động kinh doanh chiến lược này đem đến các dịch vụ và sản phẩm khác nhau, và được quản lý theo phương pháp riêng vì các hoạt động này đòi hỏi các chiến lược tiếp thị và công nghệ khác nhau. Đối với từng bộ phận, Ban Giám đốc của Tập đoàn soát xét các báo cáo quản lý nội bộ định kỳ.

Tập đoàn nắm giữ các bộ phận kinh doanh sau đây thông qua nhóm công ty con riêng:

- Thực phẩm và đồ uống
- Đạm động vật
- Khai thác mỏ và chế biến

Tập đoàn cũng đầu tư và có ảnh hưởng đáng kể đối với một ngân hàng cổ phần. Ban Giám đốc của Tập đoàn xem Dịch vụ tài chính là một bộ phận kinh doanh riêng.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(a) Báo cáo theo bộ phận kinh doanh**

	Thực phẩm và đồ uống		Đạm động vật		Khai thác mỏ và chế biến		Dịch vụ tài chính		Tổng	
	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND
Doanh thu của bộ phận	5.881.410	5.705.835	3.331.792	-	1.200.626	1.145.392	-	-	10.413.828	6.851.227
Lợi nhuận gộp của bộ phận	2.527.413	2.433.170	622.054	-	374.792	137.920	-	-	3.524.259	2.571.090
Kết quả kinh doanh của bộ phận	852.323	782.875	159.590	104.928	(266.186)	(274.015)	244.182	(63.434)	989.909	550.354
Chi phí không phân bổ									(317.071)	(594.376)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần									672.838	(44.022)

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Thực phẩm và đồ uống</b>		<b>Dinh dưỡng động vật</b>		<b>Khai thác mỏ và chế biến</b>		<b>Dịch vụ tài chính</b>		<b>Tổng</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Tài sản của bộ phận	24.115.018	15.108.276	12.427.294	-	25.387.077	24.199.705	8.601.282	8.357.101	70.530.671	47.665.082
Tài sản không phân bổ									767.978	5.300.018
<b>Tổng tài sản</b>									<b>71.298.649</b>	<b>52.965.100</b>
Nợ phải trả của bộ phận	21.175.352	10.963.588	6.721.747	-	11.809.079	9.891.791	-	-	39.706.178	20.855.379
Nợ phải trả của bộ phận									5.641.233	10.184.582
<b>Tổng nợ phải trả</b>									<b>45.347.411</b>	<b>31.039.961</b>
	<b>Từ</b>	<b>Từ</b>	<b>Từ</b>	<b>Từ</b>	<b>Từ</b>	<b>Từ</b>	<b>Từ</b>	<b>Từ</b>	<b>Từ</b>	<b>Từ</b>
	<b>1/1/2015 đến</b>	<b>1/1/2014 đến</b>	<b>1/1/2015 đến</b>	<b>1/1/2014 đến</b>	<b>1/1/2015 đến</b>	<b>1/1/2014 đến</b>	<b>1/1/2015 đến</b>	<b>1/1/2014 đến</b>	<b>1/1/2015 đến</b>	<b>1/1/2014 đến</b>
	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Chi tiêu vốn	484.285	294.843	70.696	-	890.723	628.518	-	-	1.445.704	923.361
Khấu hao	160.299	130.760	26.877	-	376.645	297.151	-	-	563.821	427.911
Phân bổ	169.296	166.642	77.008	-	145.354	97.148	-	-	391.658	263.790

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tập đoàn xem xét rằng Tập đoàn chỉ hoạt động trong một vùng địa lý Việt Nam với các cơ sở hoạt động, các khoản đầu tư và hầu như toàn bộ doanh thu đều phát sinh tại Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Hợp nhất kinh doanh**

***Mua Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn (“SNF”)***

Vào tháng 1 năm 2015, Công ty TNHH Một Thành Viên Thực phẩm Masan, một công ty con trong Tập đoàn, đã hoàn tất việc mua 99,9% lợi ích vốn chủ sở hữu của SNF với tổng khoản thanh toán là 200.000 triệu VND, chưa bao gồm chi phí giao dịch. Việc mua cổ phần này giúp Công ty nắm giữ 99,9% lợi ích vốn chủ sở hữu thực tế trong SNF tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua Triệu VND</b>	<b>Các điều chỉnh giá trị hợp lý Triệu VND</b>	<b>Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua Triệu VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.161	-	19.161
Các khoản phải thu – ngắn hạn	2.106	-	2.106
Hàng tồn kho	6.575	-	6.575
Các khoản phải thu – dài hạn	1.359	-	1.359
Tài sản cố định hữu hình	11.559	846	12.405
Tài sản cố định vô hình	93	40.755	40.848
Chi phí trả trước dài hạn	286	-	286
Nợ phải trả ngắn hạn	(7.763)	-	(7.763)
Nợ thuế thu nhập hoãn lại	-	(6.445)	(6.445)
			<hr/>
Tài sản thuần có thể xác định được	33.376	35.156	68.532
			<hr/>
Tổng tài sản thuần mua được			68.532
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc thu mua (Thuyết minh 17)			131.468
			<hr/>
Khoản thanh toán cho việc mua			200.000
			<hr/>
Tiền mặt thu được			(19.161)
			<hr/>
Tiền mặt thuần chi trả			180.839
			<hr/>

Lợi thế thương mại được ghi nhận trong nghiệp vụ mua lại chủ yếu là lợi thế cộng hưởng mà Ban Giám đốc dự kiến sẽ thu được khi SNF được hợp nhất vào hoạt động kinh doanh hiện hành của Tập đoàn.

***Mua Công ty TNHH Masan Nutri-Science (“MNS”) (trước đây là Công ty TNHH Sam Kim)***

Vào tháng 4 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc mua 99,9% lợi ích vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH Sam Kim (tên trước đây của MNS) với tổng khoản thanh toán là 2.192.690 triệu VND, bao gồm chi phí giao dịch. MNS nắm giữ 99,9% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Kenji, 99,9% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Shika, 99,9% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Meiji, 70,0% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Anco và 52,1% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Proconco. Việc mua cổ phần này giúp Công ty nắm giữ 99,9%, 99,9%, 99,9%, 70,0% và 52,1% lợi ích vốn chủ sở hữu lần lượt trong Kenji, Shika, Meiji, Anco và Proconco tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả của công ty được mua chỉ là con số ước tính dựa vào những thông tin có sẵn gần nhất, phù hợp với các quy định ghi nhận và đo lường theo các chuẩn mực có liên quan.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tạm thời tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua Triệu VND</b>	<b>Các điều chỉnh giá trị hợp lý Triệu VND</b>	<b>Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua Triệu VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.869.174	-	1.869.174
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	577.500	-	577.500
Các khoản phải thu – ngắn hạn	853.143	-	853.143
Hàng tồn kho	3.155.172	-	3.155.172
Tài sản ngắn hạn khác	54.863	-	54.863
Các khoản phải thu – dài hạn	55.337	-	55.337
Tài sản cố định hữu hình	865.549	119.599	985.148
Tài sản cố định vô hình	26.168	4.527.073	4.553.241
Xây dựng cơ bản dở dang	223.192	-	223.192
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	48.340	-	48.340
Chi phí trả trước dài hạn	120.371	-	120.371
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	74.053	-	74.053
Lợi thế thương mại	801.810	(801.810)	-
Vay và nợ ngắn hạn	(682.900)	-	(682.900)
Nợ phải trả ngắn hạn khác	(1.514.282)	-	(1.514.282)
Vay và nợ dài hạn	(3.645.425)	-	(3.645.425)
Nợ thuế thu nhập hoãn lại	-	(697.001)	(697.001)
Dự phòng dài hạn	(88.269)	-	(88.269)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(3.982.257)	-	(3.982.257)
<b>Tổng (nợ)/tài sản thuần có thể xác định được</b>	<b>(1.188.461)</b>	<b>3.147.861</b>	<b>1.959.400</b>
<b>Tổng tài sản thuần mua được</b>			<b>1.959.390</b>
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua (Thuyết minh 17)			233.300
<b>Khoản thanh toán cho việc mua</b>			<b>2.192.690</b>
<b>Tiền mặt thu được</b>			<b>(1.869.174)</b>
<b>Tiền mặt thuần chi trả</b>			<b>323.516</b>

Trong năm 2014, MNS đã ký hợp đồng quyền chọn với các cổ đông không kiểm soát của Anco (1) quyền chọn bán cho phép các cổ đông không kiểm soát của Anco bán 30,0% cổ phần còn lại này với giá thỏa thuận, thời hạn thực hiện là trong vòng 18 tháng kể từ tháng 6 năm 2015 và (2) quyền chọn mua 30,0% cổ phần còn lại của Anco với giá thỏa thuận, thời hạn thực hiện trong vòng 24 tháng kể từ tháng 12 năm 2016.

MNS cũng ký hợp đồng quyền chọn với cổ đông không kiểm soát của Anco để mua lại toàn bộ lợi ích vốn chủ sở hữu của một đơn vị đang tồn tại hoặc một đơn vị sẽ được thành lập bởi các cổ đông trên. Hợp đồng quyền chọn này sẽ được thực hiện trong năm 2016.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Tiền mặt	6.753	1.432	152	124
Tiền gửi ngân hàng	670.790	301.538	12.255	9.777
Tiền đang chuyển	13.673	-	-	-
Các khoản tương đương tiền	8.864.203	4.863.445	431.850	507.350
	<b>9.555.419</b>	<b>5.166.415</b>	<b>444.257</b>	<b>517.251</b>

Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

**8. Các khoản đầu tư tài chính**

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
		<b>Phân loại lại</b>		<b>Phân loại lại</b>
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (a)	2.067.123	4.042.212	11.273	239.614
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>				
Đầu tư vào công ty con (b)	-	-	5.582.605	3.389.914
Đầu tư vào công ty liên kết (c)	8.880.513	8.601.126	8.932.424	8.932.424
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (d)	21.646	-	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(912)	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	-	144.050	-	-
	<b>8.901.247</b>	<b>8.745.176</b>	<b>14.515.029</b>	<b>12.322.338</b>

**(a) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn trên ba tháng nhưng không quá mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư vào công ty con**

**Công ty**

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con của Công ty như sau:

	30/6/2015					1/1/2015				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH Một Thành Viên MasanConsumerHoldings Company	100,0%	100,0%	516.600	-	(*)	100,0%	100,0%	516.600	-	(*)
Công ty Cổ phần Tâm Nhìn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tâm Nhìn Ma San)	100,0%	100,0%	2.873.314	-	(*)	100,0%	100,0%	2.873.314	-	(*)
Công ty TNHH Masan Nutri-Science (trước đây là Công ty TNHH Sam Kim)	99,9%	99,9%	2.192.691	-	(*)	-	-	-	-	-
			<b>5.582.605</b>	<b>-</b>	<b>(*)</b>			<b>3.389.914</b>	<b>-</b>	<b>(*)</b>

(\*) Tại ngày lập báo cáo, chưa có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Đầu tư vào công ty liên kết**

**Tập đoàn**

	30/6/2015					1/1/2015				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”) (*)	19,5%	19,5%	8.601.283	-	(***)	19,5%	19,5%	8.357.101	-	(***)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex (“Cholimex”)	32,8%	32,8%	247.027	-	(***)	32,8%	32,8%	240.425	-	(***)
Công ty Cổ phần Tào Vĩnh Hào (“Tào Vĩnh Hào”) (trước đây là “Tào Vĩnh Hào”)	30,0%	30,0%	3.600	-	(***)	19,0%	19,0%	3.600	-	(***)
Công ty Cổ phần Bao bì Thuận Phát (“Thuận Phát”) (**)	25,0%	25,0%	7.962	-	(***)	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Lộc Khang (“Lộc Khang”) (**)	26,2%	26,2%	5.470	-	(***)	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Abattoir Long Bình (“Abattoir”) (**)	25,0%	25,0%	6.708	-	(***)	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất, Dịch vụ và Thương mại Đồng Nai (“DN Manu”) (**)	21,3%	21,3%	8.463	-	(***)	-	-	-	-	-
			<b>8.880.513</b>	<b>-</b>	<b>(***)</b>			<b>8.601.126</b>	<b>-</b>	<b>(***)</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

	<b>Techcombank</b>	<b>Cholimex</b>	<b>Tảo</b>	<b>Thuận Phát</b>	<b>Lộc Khang</b>	<b>Abattoir</b>	<b>ĐN Manu</b>	<b>Tổng</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Vĩnh Hảo</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
			<b>Triệu VND</b>					
Số dư đầu kỳ – Phân loại lại	8.357.101	240.425	3.600	-	-	-	-	8.601.126
Tăng từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 6) (**)	-	-	-	7.684	5.070	6.286	8.566	27.606
Chia lợi nhuận/(lỗ) sau khi mua lại của công ty liên kết trong kỳ	244.182	6.602	-	278	400	422	(103)	251.781
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>8.601.283</b>	<b>247.027</b>	<b>3.600</b>	<b>7.962</b>	<b>5.470</b>	<b>6.708</b>	<b>8.463</b>	<b>8.880.513</b>

(\*) Khoản đầu tư vào Techcombank phản ánh khoản đầu tư tương đương 30,4% (1/1/2015: 30,4%) lợi ích kinh tế thực tế của Techcombank tại ngày 30 tháng 6 năm 2015. Lợi ích kinh tế thực tế của Tập đoàn bao gồm 15,6% thông qua lợi ích trực tiếp của vốn chủ sở hữu (là do ảnh hưởng suy giảm thuần từ trái phiếu chuyển đổi trên 19,5% vốn chủ sở hữu hiện hành) và 14,7% thông qua trái phiếu chuyển đổi kỳ hạn 10 năm phát hành bởi Techcombank mà Công ty đã đồng ý chuyển đổi một cách bắt buộc và không thể hủy ngang trong thời hạn chuyển đổi, theo các quy định pháp lý và các thông lệ được chấp thuận.

(\*\*) Vào tháng 4 năm 2015, Công ty đã mua 99,9% lợi ích vốn chủ sở hữu của MNS trong đó nắm giữ 52,1% lợi ích vốn chủ sở hữu của Proconco. Proconco nắm giữ 25,0% lợi ích vốn chủ sở hữu của Thuận Phát, 25,0% lợi ích vốn chủ sở hữu của Abattoir, 21,3% lợi ích vốn chủ sở hữu của ĐN Manu và 26,2% lợi ích vốn chủ sở hữu của Lộc Khang. Giao dịch này dẫn đến Công ty có ảnh hưởng trọng yếu đối với những công ty này thông qua MNS.

(\*\*\*) Tại ngày lập báo cáo, chưa có thông tin về giá trị hợp lý của những khoản đầu tư này.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**Công ty**

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	30/6/2015					1/1/2015				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Techcombank (*)	19,5%	19,5%	8.932.424	-	(***)	19,5%	19,5%	8.932.424	-	(***)

**(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

**Tập đoàn**

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Tập đoàn như sau:

	30/6/2015					1/1/2015				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty PTSC Cảng Đình Vũ	5,9%	5,9%	21.646	(912)	(***)	-	-	-	-	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Các giao dịch với các công ty con trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
– các giao dịch với lợi ích cổ đông không kiểm soát**

**(i) Các giao dịch với cổ đông không kiểm soát trong MR**

Trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, MH đã ký kết một số hợp đồng với các cổ đông không kiểm soát của MR để mua cổ phiếu của họ trong MR, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	<b>Triệu VND</b>
Giá mua, tiền mặt đã trả	(3.196)
Tài sản thuần tăng thêm	3.286
	<hr/>
Chênh lệch được ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	90
	<hr/> <hr/>

Vào tháng 5 năm 2015, MH đã bán 0,61% lợi ích vốn chủ sở hữu của MR cho một bên thứ ba với tổng khoản thanh toán là 44.050 triệu VND bằng tiền mặt, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	<b>Triệu VND</b>
Giá bán	44.050
Tài sản thuần suy giảm	(66.709)
	<hr/>
Chênh lệch được ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(22.659)
	<hr/> <hr/>

**(f) Các giao dịch trọng yếu với các công ty con trong những năm trước**

Vào năm 2014, MCH đã cấp quyền mua lợi ích vốn chủ sở hữu trong MCH trị giá 525.900 triệu VND cho PENM III Germany GmbH & Co. KG tại giá đã được thỏa thuận trước và có thể được thực hiện sau 4 năm. MCH có khả năng thanh toán bằng cách lựa chọn bàn giao cổ phiếu sơ cấp của MCH hoặc cổ phiếu thứ cấp sở hữu bởi Công ty hoặc các bên khác.

**(i) Các giao dịch với cổ đông không kiểm soát trong MR**

Vào ngày 25 tháng 1 năm 2013, BI Private Equity New Market III K/S (“PENM II”) đã đăng ký mua 15.902.430 cổ phiếu ưu đãi chuyển đổi bắt buộc của MR với số tiền là 520.709 triệu VND. Bên nắm giữ các cổ phiếu ưu đãi chuyển đổi bắt buộc này sẽ được trả cổ tức hàng năm cố định dao động từ 3,0% đến 10,0% trên vốn gốc và các cổ phiếu ưu đãi này bắt buộc phải chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông trong vòng 4 năm. Các cổ phiếu ưu đãi này cũng cho PENM II quyền được nhận cổ tức công bố cho các cổ đông phổ thông tương ứng với tỷ lệ cổ phần nắm giữ và sẽ tự động chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông trong trường hợp MR bị giải thể.

Là một phần của hợp đồng, MR có khả năng thực thi chuyển đổi hoặc bắt buộc chuyển đổi cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu phổ thông theo như điều khoản quy định.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Vào ngày 16 tháng 3 năm 2011, Mount Kellett Capital Management LP thông qua Công ty MRC Limited đã đăng ký mua cổ phiếu mới của MR bằng tiền có giá trị là 100 triệu Đô la Mỹ tương đương 2.059.120 triệu VND. Nhà đầu tư đã sở hữu 20,0% lợi ích trong MR. Cùng với giao dịch này, Tập đoàn đầu tư 487.500 triệu VND vào MR để mua cổ phiếu phổ thông mới phát hành. Công ty cũng cấp cho nhà đầu tư quyền bán 20,0% quyền sở hữu trong MR đổi lấy cổ phiếu của Công ty trong trường hợp MR chưa được niêm yết trong vòng 4,5 năm sau khi kết thúc giao dịch. Số cổ phiếu phát hành trong trường hợp quyền bán được thực hiện sẽ được căn cứ theo giá giao dịch cổ phiếu của Công ty và số lượng cổ phiếu để cho phép nhà đầu tư thu được tỉ lệ sinh lợi nhất định.

Một thỏa thuận điều chỉnh vốn chủ sở hữu cũng được bao gồm trong hợp đồng trên, trong đó dựa trên các điều kiện thỏa thuận nhất định, MR phải phát hành thêm một lượng cổ phiếu cho nhà đầu tư.

**(ii) Các giao dịch với cổ đông không kiểm soát trong MSC**

Vào ngày 7 tháng 4 năm 2011, KKR thông qua Công ty MC Holdings II (Cayman) Limited đã mua cổ phiếu mới do MSC phát hành tương đương 10,0% cổ phần sau khi phát hành với giá trị là 3.327.552 triệu VND.

Trong thời hạn 6 năm kể từ ngày giao dịch có hiệu lực, nếu MSC không hoàn tất việc phát hành chứng khoán lần đầu ra công chúng, theo quy định trong thỏa thuận, nhà đầu tư sẽ có quyền chọn bán cổ phiếu MSC để đổi lấy cổ phiếu của Công ty trong một thời gian nhất định. Nếu nhà đầu tư không thực hiện quyền chọn bán này trong thời hạn hiệu lực, Công ty có thể mua cổ phiếu MSC từ nhà đầu tư trong khoảng thời gian một năm sau khi kết thúc thời hạn của quyền chọn bán bằng tiền mặt hoặc bằng cổ phiếu của Công ty hoặc 50,0% bằng cổ phiếu với giá trị đã được thỏa thuận trước với nhà đầu tư.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Phải thu của khách hàng – ngắn hạn và dài hạn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, một phần của khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của các công ty con (xem Thuyết minh 21).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, trong khoản trả trước cho người bán có 319.523 triệu VND (1/1/2015: 61.723 triệu VND) liên quan đến trả trước chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

Phải thu từ cho vay bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2015</u>	<u>1/1/2015</u>	<u>30/6/2015</u>	<u>1/1/2015</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
<b>Phải thu từ cho vay ngắn hạn</b>				
Phải thu từ cho vay từ công ty con	-	-	-	2.172.320
<b>Phải thu từ cho vay dài hạn</b>				
Phải thu từ hoạt động đầu tư cho vay khác	6.830.337	-	-	-
Phải thu từ cho vay từ công ty con	-	-	4.169.874	2.283.927
	6.830.337	-	4.169.874	2.741.703

Khoản phải thu từ cho vay dài hạn phát sinh từ hoạt động quản lý tiền của Tập đoàn nhằm tối đa hóa thu nhập tài chính từ các tài sản có tính thanh khoản cao, được bảo lãnh và đảm bảo bởi các tài sản được hình thành trong tương lai từ các khoản cho vay này. Lãi suất năm là 12,0% trong kỳ và đáo hạn vào tháng 6 năm 2017, trừ khi được hoàn trả sớm hơn. Tiền lãi được thanh toán vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn hoặc ngày hoàn trả quy định trong hợp đồng cho vay.

Khoản phải thu từ cho vay từ công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 không được đảm bảo và chịu lãi suất năm dao động từ 10,0% đến 12,0% trong kỳ (2014: 10,0% - 12,0%). Các khoản cho vay này đáo hạn vào năm 2017 và năm 2018 (2014: năm 2015 và năm 2018). Tiền lãi được thanh toán vào ngày đáo hạn theo thỏa thuận của hợp đồng cho vay.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Phải thu khác bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2015</u> Triệu VND	<u>1/1/2015</u> Triệu VND Phân loại lại	<u>30/6/2015</u> Triệu VND	<u>1/1/2015</u> Triệu VND Phân loại lại
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Khoản phải thu từ bán các khoản bồi thường	256.200	256.200	-	-
Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan	142.244	142.244	142.244	996.348
Lãi trích trước phải thu từ các khoản tiền gửi Tạm ứng	47.524	64.972	2.071	3.398
Ký quỹ ngắn hạn	141.106	31.992	-	-
Phải thu từ các dịch vụ	10.692	5.036	-	-
Phải thu khác	11.547	11.547	11.547	11.547
	101.276	15.779	136.215	30.359
	<b>710.589</b>	<b>527.770</b>	<b>292.077</b>	<b>1.041.652</b>
<b>Phải thu dài hạn khác</b>				
Ký quỹ dài hạn	35.279	59.835	1.939	9.381
Lãi dài hạn phải thu	1.984	4.712	-	-
Phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan	-	-	3.747.949	2.732.322
Phải thu dài hạn khác từ hoạt động đầu tư cho vay	13.085	-	-	-
Phải thu khác (*)	1.386.590	1.383.086	-	-
	<b>1.436.938</b>	<b>1.447.633</b>	<b>3.749.888</b>	<b>2.741.703</b>

(\*) Phải thu khác phản ánh khoản phải thu từ Nhà nước đối với chi phí bồi thường đất của Dự án Khai thác Khoáng sản Núi Pháo tại Xã Hà Thương, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. Khoản này sẽ được cân trừ với phí thuê đất hàng năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Phải thu khác bao gồm khoản phải thu các bên liên quan như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<b>30/6/2015</b> <b>Triệu VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>Triệu VND</b>	<b>30/6/2015</b> <b>Triệu VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>Triệu VND</b>
<b>Phải thu từ Công ty Cổ phần Masan – công ty mẹ</b>				
Phi thương mại – ngắn hạn	142.244	142.244	142.244	142.244
<b>Phải thu từ các công ty liên quan khác</b>				
Cho vay – ngắn hạn	-	-	-	2.172.320
Cho vay – dài hạn	-	-	4.169.874	2.283.927
Phi thương mại – ngắn hạn	-	-	-	854.104
Phi thương mại – dài hạn	-	-	3.747.949	2.732.322

Khoản phải thu phi thương mại ngắn hạn của Tập đoàn từ Công ty Cổ phần Masan không được đảm bảo, không chịu lãi và thanh toán khi yêu cầu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, phải thu từ cho vay dài hạn và phải thu phi thương mại từ các bên liên quan khác của Công ty bao gồm:

- 2.380.089 triệu VND (1/1/2015: 2.247.291 triệu VND) liên quan đến hợp đồng vay không được đảm bảo giữa Công ty và một công ty con với số tiền là 1.962.319 triệu VND (1/1/2015: 1.962.319 triệu VND) và lãi phải thu là 417.770 triệu VND (1/1/2015: 284.972 triệu VND). Khoản cho vay sẽ được hoàn trả vào ngày đáo hạn trong năm 2017 và hưởng lãi suất năm là 12,0% (2014: 12,0% một năm);
- Một hợp đồng cấp vốn không được đảm bảo giữa Công ty và một công ty con với nợ gốc vay là 490.061 triệu VND (1/1/2015: 487.500 triệu VND). Khoản cho vay này không chịu lãi và sẽ được hoàn trả vào ngày đáo hạn trong năm 2018;
- 243.632 triệu VND (1/1/2015: 232.177 triệu VND) liên quan đến khoản cho vay 210.000 triệu VND (1/1/2015: 210.000 triệu VND) không được đảm bảo giữa Công ty và một công ty con và khoản lãi phải thu là 33.632 triệu VND (1/1/2015: 22.177 triệu VND). Khoản cho vay này sẽ đáo hạn trong năm 2018 và hưởng lãi suất năm là 10,0% (2014: 10,0% một năm);
- 26.477 triệu VND (1/1/2015: 25.018 triệu VND) liên quan đến khoản lãi phải thu, đáo hạn trong năm 2018, được trích lãi từ khoản cho vay 620.000 triệu VND cấp cho một công ty con trong năm 2013 đã được hoàn trả gốc vay trong năm 2013;
- 31.877 triệu VND (1/1/2015: 34.438 triệu VND) trong khoản phải thu phi thương mại dài hạn từ các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu hồi theo điều khoản của hợp đồng;
- 2.015.779 triệu VND (1/1/2015: 2.134.490 triệu VND) liên quan đến khoản lãi phải thu của khoản cho vay không được đảm bảo tương đương 218 triệu USD và 2.200 tỷ VND cấp cho một công ty con. Khoản lãi phải thu này được thanh toán từ năm 2016 đến 2018.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (g) 348.102 triệu VND (1/1/2015: 323.560 triệu VND) liên quan đến khoản lãi phải thu, đáo hạn trong năm 2019, được trích lãi từ khoản cho vay 2.000 tỷ VND cho một công ty con trong năm 2011 đã được hoàn trả gốc vay trong năm 2012; và
- (h) 2.381.806 triệu VND (1/1/2015: 2.245.113 triệu VND) liên quan đến thỏa thuận cho vay không được đảm bảo giữa Công ty và một công ty con với gốc vay là 1.997.555 triệu VND (1/1/2015: 1.994.358 triệu VND) và lãi phải thu là 384.251 triệu VND (1/1/2015: 250.755 triệu VND). Khoản cho vay này sẽ đáo hạn trong năm 2018 và chịu lãi suất năm là 12,0% (2014: 12,0% một năm).

## 10. Hàng tồn kho

### Tập đoàn

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc Triệu VND	Dự phòng Triệu VND	Giá gốc Triệu VND	Dự phòng Triệu VND
Hàng mua đang đi đường	808.176	-	64.148	-
Nguyên vật liệu	2.828.880	(27.834)	599.438	(8.580)
Công cụ và dụng cụ	608.600	(29)	511.941	-
Sản phẩm dở dang	177.109	-	76.624	-
Thành phẩm	1.150.110	(3.045)	366.480	(13.701)
Hàng hóa tồn kho	60.867	(329)	5.097	(37)
Hàng hóa ký gửi	18.069	-	3.444	-
	<b>5.651.811</b>	<b>(31.2370)</b>	<b>1.627.172</b>	<b>(22.318)</b>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ/năm như sau:

	Tập đoàn	
	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 31/12/2014 Triệu VND
Số dư đầu kỳ	22.318	20.739
Tăng dự phòng trong kỳ/năm	51.599	67.433
Sử dụng dự phòng trong kỳ/năm	(42.680)	(61.739)
Hoàn nhập	-	(3.488)
Bán một công ty con trước đây	-	(627)
Số dư cuối kỳ	<b>31.237</b>	<b>22.318</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, một phần hàng tồn kho của Tập đoàn được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của các công ty con (xem Thuyết minh 21).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định hữu hình**

**Tập đoàn**

	<b>Tài sản khai khoáng Triệu VND</b>	<b>Nhà cửa và vật kiến trúc Triệu VND</b>	<b>Nâng cấp tài sản thuê Triệu VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng Triệu VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị Triệu VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển Triệu VND</b>	<b>Tổng Triệu VND</b>
<b>Nguyên giá</b>							
Số dư đầu kỳ	5.800.051	2.805.492	25.760	77.484	11.123.071	55.242	19.887.100
Tăng từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 6)	-	433.163	-	1.597	491.590	71.203	997.553
Tăng trong kỳ	-	143	-	123	2.271	38	2.575
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	50.894	-	7.014	228.522	2.105	288.535
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(773.759)	(63)	-	-	(9.685)	-	(783.507)
Thanh lý	-	(1.732)	-	-	(10.637)	(1.989)	(14.358)
Phân loại lại	1.238	15.592	(38)	(3.876)	(8.446)	(4.470)	-
Số dư cuối kỳ	5.027.530	3.303.489	25.722	82.342	11.816.686	122.129	20.377.898

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Tài sản khai khoáng Triệu VND</b>	<b>Nhà cửa và vật kiến trúc Triệu VND</b>	<b>Nâng cấp tài sản thuê Triệu VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng Triệu VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị Triệu VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển Triệu VND</b>	<b>Tổng Triệu VND</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư đầu kỳ	171.419	183.107	19.076	36.627	1.040.564	26.394	1.477.187
Khấu hao trong kỳ	86.567	82.419	2.357	6.650	381.525	6.741	566.259
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(33.842)	-	-	-	(9.685)	-	(43.527)
Thanh lý	-	(1.154)	-	-	(8.313)	(1.958)	(11.425)
Phân loại lại	-	(410)	(3)	(3.875)	8.328	(4.040)	-
Số dư cuối kỳ	224.144	263.962	21.430	39.402	1.412.419	27.137	1.988.494
<b>Giá trị còn lại</b>							
Số dư đầu kỳ	5.628.632	2.622.385	6.684	40.857	10.082.507	28.848	18.409.913
Số dư cuối kỳ	4.803.386	3.039.527	4.292	42.940	10.404.267	94.992	18.389.404

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình là các tài sản trị giá 458.533 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (1/1/2015: 131.143 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn không được sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 tương đương 13.877 triệu VND (1/1/2015: Không).

Giá trị còn lại của thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình là 15.240 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (1/1/2015: 33.679 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 1.340.006 triệu VND (1/1/2015: 815.204 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của các công ty con và 10.702 tỷ VND (1/1/2015: 11.698 tỷ VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho trái phiếu dài hạn phát hành bởi một công ty con (xem Thuyết minh 21).

**Công ty**

	<b>Nâng cấp tài sản thuê Triệu VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng Triệu VND</b>	<b>Tổng Triệu VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	15.098	5.661	20.759
Tăng trong kỳ	-	88	88
<hr/>			
Số dư cuối kỳ	15.098	5.749	20.847
<hr/>			
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	11.353	2.234	13.587
Khấu hao trong kỳ	1.606	832	2.438
<hr/>			
Số dư cuối kỳ	12.959	3.066	16.025
<hr/>			
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	3.745	3.427	7.172
Số dư cuối kỳ	2.139	2.683	4.822
<hr/> <hr/>			

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

**Tập đoàn**

	<b>Máy móc và thiết bị Triệu VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	67.300
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	22.433
Khấu hao trong kỳ	6.730
Số dư cuối kỳ	29.163
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	44.867
Số dư cuối kỳ	38.137

Một công ty con của Công ty đã thuê thiết bị thí nghiệm để thử nghiệm luyện kim theo thỏa thuận thuê tài chính (Thuyết minh 21(d)).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)**

**và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**13. Tài sản cố định vô hình**

**Tập đoàn**

<b>Nhãn hiệu</b>	<b>Quyền sử dụng đất Triệu VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính Triệu VND</b>	<b>Nhãn hiệu Triệu VND</b>	<b>Mối quan hệ khách hàng Triệu VND</b>	<b>Nguồn nước khoáng Triệu VND</b>	<b>Quyền khai khoáng Triệu VND</b>	<b>Quyền khai thác nguồn nước khoáng Triệu VND</b>	<b>Khác Triệu VND</b>	<b>Tổng Triệu VND</b>
<b>Nguyên giá</b>									
Số dư đầu kỳ	170.254	111.350	712.471	375.110	305.336	588.373	-	-	2.262.894
Tăng từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 6)	124.464	878	1.729.230	2.646.073	-	-	-	93.444	4.594.089
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	74.845	-	74.845
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	133.941	-	-	-	-	-	-	133.941
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(32.295)	(1.761)	-	-	-	-	-	-	(34.056)
Phân loại lại	42	(40)	-	-	-	(2)	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>262.465</b>	<b>244.368</b>	<b>2.441.701</b>	<b>3.021.183</b>	<b>305.336</b>	<b>588.371</b>	<b>74.845</b>	<b>93.444</b>	<b>7.031.713</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>									
Số dư đầu kỳ	24.053	30.304	188.375	211.107	4.990	5.369	-	-	464.198
Khấu hao trong kỳ	2.795	8.666	61.711	65.657	1.302	15.275	1.084	3.168	159.658
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(3.851)	(1.761)	-	-	-	-	-	-	(5.612)
Phân loại lại	42	(41)	-	(1)	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>23.039</b>	<b>37.168</b>	<b>250.086</b>	<b>276.763</b>	<b>6.292</b>	<b>20.644</b>	<b>1.084</b>	<b>3.168</b>	<b>618.244</b>
<b>Giá trị còn lại</b>									
Số dư đầu kỳ	146.201	81.046	524.096	164.003	300.346	583.004	-	-	1.798.696
Số dư cuối kỳ	239.426	207.200	2.191.615	2.744.420	299.044	567.727	73.761	90.276	6.413.469

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong nguyên giá của tài sản cố định vô hình là tài sản trị giá 19.041 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (1/1/2015: 15.031 triệu VND), những vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 631 tỷ VND (1/1/2015: 652 tỷ VND) được thế chấp với ngân hàng để bảo đảm cho trái phiếu dài hạn phát hành bởi một công ty con và quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 63.404 triệu VND (1/1/2015: 70.093 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của các công ty con của Tập đoàn (xem Thuyết minh 21).

**Công ty**

	<b>Phần mềm vi tính Triệu VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	4.532
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	2.261
Khấu hao trong kỳ	552
Số dư cuối kỳ	2.813
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	2.271
Số dư cuối kỳ	1.719

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 31/12/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 31/12/2014 Triệu VND
Số dư đầu kỳ/năm	3.811.051	20.042.933	-	10.021
Tăng từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 6)	223.192	2.799	-	-
Tăng trong kỳ/năm	1.323.075	3.356.972	-	1.093
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(288.535)	(17.154.847)	-	(4.313)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(133.941)	(67.048)	-	-
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(1.665)	(6.594)	-	-
Chuyển từ/(sang) chi phí trả trước dài hạn	15.833	(972.598)	-	(63)
Thanh lý	(825)	(5.263)	-	(4.521)
Xóa sổ	-	(2.217)	-	(2.217)
Bồi thường chi phí tái định cư, chuyển sang khoản phải thu khác	-	(1.383.086)	-	-
Số dư cuối kỳ/năm	4.948.185	3.811.051	-	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 39.632 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của các công ty con của Tập đoàn (1/1/2015: Không) (xem Thuyết minh 21).

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 179.580 triệu VND (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014: 412.373 triệu VND).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

**Tập đoàn**

	Tài sản khai khoáng	Chi phí trước hoạt động	Chi phí đất trả trước	Chi phí bồi thường đất	Trục in	Công cụ và dụng cụ	Chi phí vay	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Khác	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu kỳ	-	284.985	2.171	632.994	46	12.434	386.044	35.927	14.991	1.369.592
Tăng trong kỳ	57.309	6.780	2.293	-	-	6.839	142	-	16.907	90.270
Tăng từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 6)	-	-	93.572	-	-	11.825	-	-	15.260	120.657
Chuyển từ/(sang) xây dựng cơ bản dở dang	21.625	-	-	-	-	5.938	-	(43.793)	397	(15.833)
Chuyển từ/(sang) tài sản cố định hữu hình	793.455	(53.475)	-	-	-	-	-	-	-	739.980
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	-	28.444	-	-	-	-	-	-	28.444
Chuyển từ chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	-	-	1.465	-	-	-	1.465
Phân bổ trong kỳ	(12.712)	(62.465)	(1.637)	(16.513)	(46)	(18.040)	(45.949)	(3.528)	(5.689)	(166.579)
Phân loại lại	-	(14.837)	-	-	-	-	(110.262)	11.394	113.705	-
Chuyển sang vay dài hạn và nợ thuê tài chính	-	-	-	-	-	-	(229.975)	-	-	(229.975)
Thanh lý	-	-	-	-	-	(48)	-	-	-	(48)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>859.677</b>	<b>160.988</b>	<b>124.843</b>	<b>616.481</b>	<b>-</b>	<b>20.413</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>155.571</b>	<b>1.937.973</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, một số khoản trả trước của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của công ty con (xem Thuyết minh 21).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**Công ty**

	<b>Chi phí vay Triệu VND</b>	<b>Chi phí khác Triệu VND</b>	<b>Tổng Triệu VND</b>
Số dư đầu kỳ	35.969	6.319	42.288
Tăng trong kỳ	-	45	45
Chuyển sang vay dài hạn và nợ thuê tài chính	(35.278)	-	(35.278)
Phân bổ trong kỳ	(691)	(1.359)	(2.050)
Số dư cuối kỳ	-	5.005	5.005

**16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

**(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận**

	<b>Tập đoàn</b>	
	<b>30/6/2015 Triệu VND</b>	<b>1/1/2015 Triệu VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Chiết khấu hàng bán phải trả	6.244	12.770
Chi phí quảng cáo khuyến mại phải trả	78.523	71.916
Chi phí vận chuyển phải trả	23.686	19.116
Chi phí phải trả khác	90.940	9.988
Lợi nhuận chưa thực hiện đối với các giao dịch nội bộ	7.153	3.701
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.643	-
Nợ phải trả dài hạn khác	8.211	-
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	216.400	117.491
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Xây dựng cơ bản dở dang	(848.592)	(730.050)
Tài sản cố định hữu hình	(717.143)	(19.111)
Tài sản cố định vô hình	(34.802)	(183.626)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(1.600.537)	(932.787)
	(1.384.137)	(815.296)

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) **Biến động các chênh lệch tạm thời trong kỳ**

	<b>Tập đoàn</b>			<b>30/6/2015 Triệu VND</b>
	<b>1/1/2015 Triệu VND</b>	<b>Tăng từ hợp nhất kinh doanh Triệu VND</b>	<b>Được ghi nhận vào thu nhập Triệu VND</b>	
Chiết khấu hàng bán phải trả	12.770	-	(6.526)	6.244
Chi phí khuyến mãi và quảng cáo phải trả	71.916	-	6.607	78.523
Chi phí vận chuyển phải trả	19.116	-	4.570	23.686
Chi phí phải trả khác	9.988	70.810	10.141	90.939
Lợi nhuận chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ	3.701	1.224	2.229	7.154
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	1.643	-	1.643
Nợ phải trả dài hạn khác	-	376	7.835	8.211
Xây dựng cơ bản dở dang	(730.050)	-	12.907	(717.143)
Tài sản cố định hữu hình	(19.111)	(18.064)	2.373	(34.802)
Tài sản cố định vô hình	(183.626)	(685.382)	20.416	(848.592)
	(815.296)	(629.393)	60.552	(1.384.137)

**17. Lợi thế thương mại**

	<b>30/6/2015 Triệu VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ	942.834
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 6)	364.768
	1.307.602
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	150.480
Phân bổ trong kỳ	59.243
	209.723
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	792.354
Số dư cuối kỳ	1.097.879

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Thuế phải nộp Nhà nước**

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	211.452	736.476	-	-
Thuế giá trị gia tăng	53.694	78.677	-	-
Thuế tài nguyên thiên nhiên	-	70.461	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	23.129	32.669	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	14.604	27.451	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	58	7.457	-	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	4.022	-	-	-
Các loại thuế khác	1.363	9.359	-	1.127
	<b>308.322</b>	<b>962.550</b>	<b>-</b>	<b>1.127</b>

**19. Chi phí phải trả**

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Lãi vay phải trả	584.447	507.510	200.631	192.767
Chi phí quảng cáo và khuyến mại	677.506	476.995	-	-
Chi phí phải trả cho công trình xây dựng	164.297	192.614	-	-
Thưởng và lương tháng 13	65.186	112.489	-	-
Chi phí vận chuyển	129.843	103.563	-	-
Thuế nhà thầu	153.503	79.257	358	334
Thuế và lệ phí tài nguyên thiên nhiên	129.259	77.125	-	-
Chiết khấu bán hàng	144.945	70.622	-	-
Phí tư vấn	61.482	55.044	21.921	21.328
Chi phí phải trả cho hàng tồn kho đã mua	70.536	10.401	-	-
Phí triển lãm và nghiên cứu thị trường	69.590	15.193	-	-
Phí hỗ trợ khách hàng thân thiết	19.666	-	-	-
Dịch vụ công nghệ thông tin	26.685	-	-	-
Khác	324.082	161.718	738	810
	<b>2.621.027</b>	<b>1.862.531</b>	<b>223.648</b>	<b>215.239</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Phải trả khác**

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
Bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội	10.302	104	-	-
Tiền ký quỹ ngắn hạn của khách hàng	17.255	935	155	155
Mua cổ phiếu trong một công ty con và công ty liên kết	-	1.739.738	-	1.500.558
Cổ tức phải trả	112.902	54.672	-	-
Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu (*)	60.561	-	60.561	-
Khác	137.548	71.289	120.370	54.611
	<b>338.568</b>	<b>1.866.738</b>	<b>181.086</b>	<b>1.555.324</b>
<b>Nợ phải trả dài hạn khác</b>				
Phải trả dài hạn	-	93.043	-	14.580
Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu (*)	-	60.561	-	60.561
Ký quỹ dài hạn	26.223	24.297	-	-
Cổ tức dài hạn phải trả	52.214	-	-	-
Khác	2.584	-	-	-
	<b>81.021</b>	<b>177.901</b>	<b>-</b>	<b>75.141</b>

(\*) Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu thể hiện khoản nợ phải trả để phát hành thêm một lượng cổ phiếu không cố định như đã được trình bày trong Thuyết minh 25.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Vay, trái phiếu và nợ thuê tài chính**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2015</u>	<u>1/1/2015</u>	<u>30/6/2015</u>	<u>1/1/2015</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
<b>Vay ngắn hạn</b>				
Vay ngắn hạn (*)	5.785.912	5.329.971	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (b)(i)	680.919	712.307	567.960	567.960
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	6.466.831	6.042.278	567.960	567.960
<hr/>				
<b>Vay, trái phiếu và nợ thuê tài chính dài hạn (**)</b>				
Vay, trái phiếu và nợ thuê tài chính dài hạn	31.066.979	18.234.277	5.873.099	5.267.960
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(680.919)	(712.307)	(567.960)	(567.960)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	30.386.060	17.521.970	5.305.139	4.700.000
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(\*) Vay ngắn hạn**

	1/1/2015		Tăng từ hợp nhất kinh doanh Triệu VND	Biến động trong kỳ			Phân loại lại từ các khoản vay dài hạn Triệu VND	30/6/2015	
	Giá trị ghi số Triệu VND	Số trong khả năng trả nợ Triệu VND		Tăng Triệu VND	Chi trả nợ gốc Triệu VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện Triệu VND		Giá trị ghi số Triệu VND	Số trong khả năng trả nợ Triệu VND
Vay ngắn hạn	5.329.971	5.329.971	682.900	8.462.022	(8.713.880)	24.899	-	5.785.912	5.785.912
Vay dài hạn đến hạn trả (b)(i)	712.307	712.307	-	-	(38.380)	-	6.992	680.919	680.919
	6.042.278	6.042.278	682.900	8.462.022	(8.752.260)	24.899	6.992	6.466.831	6.466.831

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Tập đoàn		Công ty	
			30/6/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND	30/6/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	3,8% - 4,1%	191.281	-	-	-
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	USD	7,5%	63.680	-	-	-
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	3,8%-4,6%	785.505	3.327.030	-	-
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	USD	5,3% - 5,5%	1.313.734	1.035.382	-	-
Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	VND	3,9% - 5,6%	2.739.172	-	-	-
Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	USD	1,4% - 3,0%	200.563	-	-	-
Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	VND	4,6% - 6,0%	103.783	928.228	-	-
Khoản vay không đảm bảo	USD	6,0%	364.038	-	-	-
Khoản vay không đảm bảo	USD	8,5%	24.156	39.331	-	-
			<b>5.785.912</b>	<b>5.329.971</b>	-	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng các tài sản của Tập đoàn như sau:

- (i) Hàng tồn kho và phải thu với giá trị ghi sổ là 2.551.999 triệu VND (1/1/2015: 18 triệu USD, tương đương 384.570 triệu VND).
- (iii) Tài sản cố định với giá trị ghi sổ là 1.403.410 triệu VND (1/1/2015: 885.297 triệu VND). Một phần của những tài sản cố định với giá trị ghi sổ là 1.371.784 triệu VND (1/1/2015: 853.081 triệu VND) cũng được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tương ứng với các khoản đảm bảo được trình bày tại Thuyết minh 21(\*\*).
- (iv) 65 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(\*\*) Vay, trái phiếu và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Vay dài hạn (a)	4.509.606	4.015.513	629.000	-
Khoản vay được chuyển đổi (b)	567.960	567.960	567.960	567.960
Trái phiếu (c)	25.943.589	13.600.000	4.676.139	4.700.000
Nợ thuê tài chính (d)	45.824	50.804	-	-
	<b>31.066.979</b>	<b>18.234.277</b>	<b>5.873.099</b>	<b>5.267.960</b>
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(680.919)	(712.307)	(567.960)	(567.960)
Hoàn trả sau 12 tháng	30.386.060	17.521.970	5.305.139	4.700.000

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Tập đoàn		Công ty	
				30/6/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND	30/6/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND
<b>a. Vay dài hạn</b>							
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	9,5%	2017	373.200	-	-	-
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	6,9% - 11%	2017-2020	312.656	276.637	-	-
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	USD	Libor + 3,5% - Libor + 4,5%	2016	3.823.750	3.738.876	-	-
Khoản vay không đảm bảo từ một công ty con	VND	8,0%	2018	-	-	629.000	-
				4.509.606	4.015.513	629.000	-
<b>b. Khoản vay chuyển đổi</b>							
Jade Dragon (Mauritius) Limited	USD	2,0%-6,0%	2015	567.960	567.960	567.960	567.960
<b>c. Trái phiếu</b> (không bao gồm chi phí phát hành)							
	VND	8,0%-12,5%	2016-2024	26.300.000	13.600.000	4.700.000	4.700.000
<b>d. Nợ thuê tài chính</b>							
	VND	14,0%	2018	45.824	50.804	-	-

**(a) Vay dài hạn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản vay dài hạn của Tập đoàn bao gồm:

- (i) các khoản vay bằng VND là 373.200 triệu VND (1/1/2015: không) được đảm bảo bằng 38 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San.
- (ii) các khoản vay bằng VND là 312.656 triệu VND (1/1/2015: 276.637 triệu VND) được đảm bảo bằng tài sản cố định với giá trị ghi sổ là 1.371.784 triệu VND, chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 39.632 triệu VND và chi phí trả trước dài hạn là 23.106 triệu VND (1/1/2015: 853.081 triệu VND của tài sản cố định).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (iii) Khoản vay 175 triệu USD từ J.P Morgan có giá trị tương đương 3.823.750 triệu VND (1/1/2015: 175 triệu USD tương đương là 3.738.876 triệu VND) được đảm bảo bằng khoản đầu tư của MSN vào các công ty con có giá trị ghi sổ là 3.469.100 triệu VND (1/1/2015: 1.709.804 triệu VND). Khoản 150 triệu Đô la Mỹ tương đương 3.277.500 triệu VND được bảo lãnh bằng Cơ quan Bảo lãnh Đầu tư Đa biên, một thành viên của Ngân hàng Thế giới (1/1/2015: 150 triệu Đô la Mỹ tương đương 3.204.750 triệu VND). Các khoản vay 150 triệu USD và 25 triệu USD sẽ chịu lãi suất năm lần lượt là LIBOR + 3,5% and LIBOR + 4,5%, nếu được bảo lãnh bởi Công ty, nếu không, chúng sẽ chịu lãi suất lần lượt là LIBOR + 4,5% và LIBOR + 5,5%. Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được hoàn trả một lần vào ngày hết hạn, là ngày 15 tháng 8 năm 2016. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này, các khoản vay này đã được trả trước hạn. Xem thêm thông tin trong Thuyết minh 42 – Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, vay dài hạn của Công ty bao gồm khoản vay không đảm bảo từ một công ty con tương đương 629.000 triệu VND thời gian đáo hạn là 3 năm với lãi suất năm là 8,0%.

**(b) Khoản vay chuyển đổi**

Khoản vay này từ Goldman Sachs Group, Inc. thông qua Công ty Jade Dragon (Mauritius) Limited là khoản vay được quyền chuyển đổi bằng USD với nợ gốc là 30 triệu USD.

Bên cạnh các điều khoản khác, thỏa thuận này bao gồm các điều khoản sau:

- (i) Lãi suất của khoản vay này gồm hai phần: lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại. Lãi suất hoãn lại sẽ không được trả nếu khoản vay này được chuyển đổi. Trong thời hạn từ ngày 15 tháng 12 năm 2010 đến ngày 14 tháng 12 năm 2012, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 2,0% một năm và 6,0% một năm. Trong thời hạn từ ngày 15 tháng 12 năm 2012 đến ngày 14 tháng 12 năm 2013, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 4,0% một năm và 4,0% một năm. Trong thời hạn từ ngày 15 tháng 12 năm 2013 đến ngày 14 tháng 12 năm 2015, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 6,0% một năm và 2,0% một năm. Khoản vay này đến hạn vào ngày 14 tháng 12 năm 2015. Lãi suất danh nghĩa được tính cộng dồn theo ngày và lãi suất hoãn lại được tính cộng dồn theo năm. Tập đoàn trích trước lãi vay dựa trên lãi suất danh nghĩa.
- (ii) Khoản vay này có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty vào bất kỳ thời điểm nào sau hai năm kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2010 đến ngày đến hạn của khoản vay.
- (iii) Giá chuyển đổi được xác định là 65.000 VND cho mỗi cổ phiếu.
- (iv) Tập đoàn còn ký kết một hợp đồng với Công ty Cổ phần Masan mà theo đó Công ty này sẽ chịu rủi ro và nghĩa vụ trong việc mua và trả một khoản tiền mặt là 30 triệu Đô la Mỹ cộng lãi hoãn lại phải trả cho 9.000.000 cổ phiếu của khoản vay được chuyển đổi trong trường hợp bên cho vay không thực hiện quyền chuyển đổi cổ phiếu.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Trái phiếu**

Trái phiếu của Tập đoàn trị giá 26.300 tỷ VND (không bao gồm chi phí phát hành) bao gồm các điều khoản sau:

- (i) 2.200 tỷ VND trái phiếu trong đó khoản 1.000 tỷ VND có mức lãi suất năm là 11,0% và khoản trái phiếu 1.200 tỷ VND có mức lãi suất năm là 3,0% cộng lãi suất tiền gửi 12 tháng bình quân của các ngân hàng chính được chọn. Các khoản lãi được thanh toán theo định kỳ sáu tháng kể từ ngày phát hành. Các trái phiếu này được đảm bảo bằng 22,3 triệu trái phiếu có thể chuyển đổi được phát hành bởi Techcombank;
- (ii) 2.500 tỷ VND trái phiếu với thời gian đáo hạn 3 năm và có mức lãi suất năm là 12,0% trong năm đầu tiên, 12,5% trong năm thứ hai và 4,0% cộng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân của các ngân hàng chính được chọn trong năm thứ ba. MCH đã thế chấp 125 triệu cổ phiếu trong MSC cho các trái phiếu này;
- (iii) 6.800 tỷ VND trái phiếu với thời gian đáo hạn 5 năm và có mức lãi suất năm là 11,0% trong 12 tháng đầu tiên và 4,0% cộng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân của các ngân hàng chính được chọn trong các tháng còn lại. Trái phiếu được đảm bảo bằng một số tài sản cố định nhất định của một công ty con của Công ty;
- (iv) 2.100 tỷ VND với thời gian đáo hạn 10 năm và có mức lãi suất năm là 8,0% trong 10 năm. Trái phiếu này được bảo lãnh bởi Quỹ Bảo lãnh tín dụng và đầu tư và đảm bảo bằng 80,3 triệu cổ phiếu của MSC.
- (v) 9.000 tỷ VND với thời gian đáo hạn 5 năm và có mức lãi suất năm là 8,0% trong năm đầu tiên và 3,0% cộng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân của các ngân hàng chính được chọn trong thời gian còn lại. Trái phiếu được bảo lãnh bởi Công ty và đảm bảo bằng 129,7 triệu cổ phiếu của MSC; và
- (vi) 3.700 tỷ VND với thời gian đáo hạn 5 năm và chịu lãi suất năm là 8,0% trong năm đầu tiên và 3,5% cộng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân của các ngân hàng chính được chọn trong các năm còn lại và được đảm bảo bằng lợi ích vốn chủ sở hữu của MNS trong Anco và Proconco.

Trái phiếu có đảm bảo của Công ty tương đương 4.700 tỷ VND bao gồm trong (i) và (ii) như được đề cập bên trên.

Trong kỳ, Công ty và Tập đoàn đã tuân thủ các điều khoản đối với các khoản vay trên.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Nợ thuê tài chính**

Các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015			Ngày 1 tháng 1 năm 2015		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính Triệu VND	Tiền lãi thuê Triệu VND	Nợ gốc Triệu VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính Triệu VND	Tiền lãi thuê Triệu VND	Nợ gốc Triệu VND
Trong vòng một năm	20.364	5.976	14.388	20.364	6.788	13.576
Trong vòng hai đến năm năm	36.029	4.593	31.436	43.861	6.633	37.228
	<b>56.393</b>	<b>10.569</b>	<b>45.824</b>	<b>64.225</b>	<b>13.421</b>	<b>50.804</b>

**22. Dự phòng dài hạn**

	Tập đoàn	
	30/6/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND
Dự phòng phí khai thác mỏ	611.379	588.373
Dự phòng chi phí phục hồi mỏ	20.237	19.485
Dự phòng chiết khấu bán hàng	63.313	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	35.229	2.689
	<b>730.158</b>	<b>610.547</b>

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Quyền khai thác mỏ Triệu VND	Chi phí phục hồi mỏ Triệu VND	Tập đoàn		Tổng Triệu VND
			Chiết khấu bán hàng Triệu VND	Dự phòng trợ cấp thôi việc Triệu VND	
Số dư đầu kỳ	588.371	19.487	-	2.689	610.547
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	-	55.365	32.904	88.269
Dự phòng lập trong kỳ	23.008	750	7.948	-	31.706
Hoàn nhập	-	-	-	(364)	(364)
Số dư cuối kỳ	<b>611.379</b>	<b>20.237</b>	<b>63.313</b>	<b>35.229</b>	<b>730.158</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)**

**và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

**Tập đoàn**

	<b>Vốn cổ phần Triệu VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND</b>	<b>Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái Triệu VND</b>	<b>Vốn khác Triệu VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND</b>	<b>Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty Triệu VND</b>	<b>Cổ đông không kiểm soát Triệu VND</b>	<b>Tổng Triệu VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	7.349.113	9.601.627	97.703	(43.098)	(8.929.770)	6.357.394	14.432.969	8.828.528	23.261.497
Giao dịch với lợi ích cổ đông không kiểm soát trong MSC	-	-	-	-	325.390	-	325.390	(509.457)	(184.067)
Giao dịch với lợi ích cổ đông không kiểm soát trong MR	-	-	-	-	(194.931)	-	(194.931)	213.133	18.202
Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong một công ty con	-	-	-	46.213	-	-	46.213	14.682	60.895
(Lỗ)/lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	(333.330)	(333.330)	289.308	(44.022)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(1.304.830)	(1.304.830)
Phân bổ vào các quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(12.012)	(12.012)	(15.471)	(27.483)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>	<b>7.349.113</b>	<b>9.601.627</b>	<b>97.703</b>	<b>3.115</b>	<b>(8.799.311)</b>	<b>6.012.052</b>	<b>14.264.299</b>	<b>7.515.893</b>	<b>21.780.192</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Vốn cổ phần Triệu VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND</b>	<b>Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND</b>	<b>Vốn khác Triệu VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND</b>	<b>Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty Triệu VND</b>	<b>Cổ đông không kiểm soát Triệu VND</b>	<b>Tổng Triệu VND</b>
<i>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 – theo báo cáo trước đây</i>	7.358.081	9.631.164	97.703	(9.142.752)	7.071.887	15.016.083	6.909.056	21.925.139
<i>Phân loại lại</i>	-	-	(9.142.752)	9.142.752	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 – Phân loại lại</b>	7.358.081	9.631.164	(9.045.049)	-	7.071.887	15.016.083	6.909.056	21.925.139
Giao dịch với lợi ích cổ đông không kiểm soát trong MR (Thuyết minh 8(e))	-	-	-	-	(22.569)	(22.569)	63.423	40.854
Tăng do hợp nhất kinh doanh trong MNS (Thuyết minh 6)	-	-	-	-	-	-	3.982.267	3.982.267
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	363.826	363.826	309.012	672.838
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(666.846)	(666.846)
Phần bổ vào các quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(1.789)	(1.789)	(1.225)	(3.014)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>	7.358.081	9.631.164	(9.045.049)	-	7.411.355	15.355.551	10.595.687	25.951.238

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**Công ty**

	<b>Vốn cổ phần Triệu VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND</b>	<b>Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND</b>	<b>Vốn khác Triệu VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND</b>	<b>Tổng Triệu VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	7.349.113	9.601.627	97.703	(1.586.675)	(1.206.546)	14.255.222
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	3.015.959	3.015.959
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>	7.349.113	9.601.627	97.703	(1.586.675)	1.809.413	17.271.181
<i>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 – theo báo cáo trước đây</i>	7.358.081	9.631.164	97.703	(1.586.675)	2.030.845	17.531.118
<i>Phân loại lại</i>	-	-	(1.586.675)	1.586.675	-	-
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 – Phân loại lại</b>	7.358.081	9.631.164	(1.488.972)	-	2.030.845	17.531.118
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(368.646)	(368.646)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>	7.358.081	9.631.164	(1.488.972)	-	1.662.199	17.162.472



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Vốn cổ phần và thặng dư vốn**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>30/6/2015</b>		<b>1/1/2015</b>	
	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>Triệu VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	735.808.140	7.358.081	735.808.140	7.358.081
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	735.808.140	7.358.081	735.808.140	7.358.081
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	-	9.631.164	-	9.631.164

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động vốn cổ phần đã phát hành trong năm như sau:

	<b>Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015</b>		<b>Từ 1/1/2014 đến 31/12/2014</b>	
	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>Triệu VND</b>
Số dư đầu kỳ/năm	735.808.140	7.358.081	734.911.338	7.349.113
Phát hành cổ phiếu mới để thanh toán cho các công cụ nợ	-	-	896.802	8.968
Số dư cuối kỳ/năm	735.808.140	7.358.081	735.808.140	7.358.081

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị hợp lý của số cổ phiếu nhất định của Công ty sẽ được phát hành trong tương lai và phân loại lại từ các nguồn vốn khác.

	30/6/2015 và 1/1/2015			
	Tập đoàn		Công ty	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND Phân loại lại
Hỗ trợ tín dụng từ công ty mẹ (*)	2.450.353	97.703	2.450.353	97.703
Phân loại lại từ nguồn vốn khác		(9.142.752)		(1.586.675)
	2.450.353	(9.045.049)	2.450.353	(1.488.972)

(\*) Trong năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng vay chuyển đổi 30 triệu USD (tương đương với số tiền là 624.840 triệu VND) với Mount Kellett Capital Management LP thông qua Công ty MRG Limited với thời hạn là 4 năm.

Để tăng cường mức tín nhiệm tín dụng của Công ty và hỗ trợ giao dịch tài chính, công ty mẹ ký các thỏa thuận với Công ty và bên cho vay, mà theo đó công ty mẹ sẽ chấp nhận mọi rủi ro và nghĩa vụ trong việc mua cổ phiếu chuyển đổi và thanh toán trực tiếp số nợ gốc và khoản lãi vay hoãn lại cho các bên cho vay trong trường hợp các bên cho vay không thực hiện quyền chuyển đổi khoản vay thành cổ phiếu. Công ty mẹ không nhận bất kỳ khoản tiền công hay lợi ích nào khác trong việc hỗ trợ này cho Công ty.

Bên cạnh đó, thỏa thuận này còn bao gồm các điều khoản sau:

- (i) Các khoản vay chuyển đổi có lãi suất năm là 5,0% trong năm thứ nhất, 6,0% trong năm thứ hai và thứ ba, và 7,0% cho thời hạn còn lại của khoản vay chuyển đổi. Lãi suất hoãn lại 10,0% tương ứng với tỷ lệ hoàn vốn thực tế được thanh toán nếu quyền chuyển đổi không được thực hiện; và
- (ii) Cổ phiếu được phát hành khi chuyển đổi (“Cổ phiếu chuyển đổi”) có thể được xác định căn cứ vào giá chuyển đổi ban đầu là 85.000 VND một cổ phiếu và phụ thuộc vào các điều chỉnh và các điều khoản khác của thỏa thuận đã ký kết. Tuy nhiên, số lượng Cổ phiếu chuyển đổi tối đa sẽ là 9,6 triệu cổ phiếu. Số lượng Cổ phiếu chuyển đổi bắt buộc phát hành tối thiểu là 7,5 triệu cổ phiếu, được coi như một công cụ vốn chủ sở hữu.

Trong tháng 7 năm 2013, Công ty đã mua lại hai phần ba của khoản vay chuyển đổi có giá trị là 30 triệu USD của Công ty MRG Limited, dẫn đến việc số lượng cổ phiếu chuyển đổi tối đa giảm xuống còn 3,2 triệu và số lượng Cổ phiếu chuyển đổi bắt buộc phát hành tối thiểu đã giảm xuống còn 2,5 triệu tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Trong vòng một năm	155.861	39.061	7.448	6.766
Trong vòng hai đến năm năm	229.663	38.729	4.194	7.201
Sau năm năm	159.925	3.676	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	545.449	81.466	11.642	13.967

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	1.165.256	358.541	-	-
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	1.125.653	1.898.417	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	2.290.909	2.256.958	-	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND
Tổng doanh thu				
▪ Bán thành phẩm	10.570.946	6.853.363	-	-
▪ Cung cấp dịch vụ và doanh	53.571	102.147	-	-
	10.624.517	6.955.510	-	-
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu				
▪ Chiết khấu thương mại	(179.462)	(79.787)	-	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(31.227)	(24.496)	-	-
	(210.689)	(104.283)	-	-
	10.570.946	6.851.227	-	-

**28. Giá vốn hàng bán**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND
Tổng giá vốn hàng bán				
▪ Thành phẩm đã bán	6.704.659	4.172.271	-	-
▪ Hàng hóa khuyến mãi	97.034	66.661	-	-
▪ Cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	19.861	10.086	-	-
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	68.015	31.119	-	-
	6.889.569	4.280.137	-	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND
Thu nhập lãi từ:				
• Tiền gửi	165.562	215.196	12.729	14.917
• Cho công ty con vay	-	-	316.421	467.889
• Hoạt động đầu tư cho vay khác	41.494	25.979	27.686	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	26.610	13.739	722	683
Thu nhập từ cổ tức	-	-	-	3.169.052
Doanh thu tài chính khác (*)	317.711	17.553	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	551.377	272.467	357.558	3.652.541

(\*) Bao gồm trong Doanh thu tài chính khác là khoản thu nhập nhận từ cổ đông không kiểm soát của một công ty con.

**30. Chi phí tài chính**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND
Chi phí lãi vay từ:				
• Ngân hàng	162.007	266.343	-	-
• Các trái chủ	799.293	473.511	301.489	350.656
• Công ty con	-	-	7.996	222.980
• Khác	9.589	-	401	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	165.846	59.370	718	14
Chi phí tài chính khác	32.305	82.539	368	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	1.169.040	881.763	310.972	573.650

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Lợi nhuận từ các công ty liên kết**

	<b>Tập đoàn</b>	
	<b>Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND</b>
Lợi nhuận từ các công ty liên kết	251.781	373.148
Điều chỉnh phát sinh từ việc phân bổ giá mua và phân bổ lợi thế thương mại	-	(331.654)
	251.781	41.494

**32. Chi phí bán hàng**

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND</b>	<b>Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND</b>
		<b>Phân loại lại</b>		
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	826.338	717.826	-	-
Chi phí vận chuyển	426.663	316.370	-	-
Chi phí nhân viên	165.410	141.959	-	-
Chi phí triển lãm	43.434	60.717	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.843	2.724	-	-
Chi phí khác	55.451	33.647	-	-
	1.541.139	1.273.243	-	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND
Chi phí nhân viên	269.643	187.448	44.091	26.573
Khấu hao điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong hợp nhất kinh doanh	147.420	86.596	-	-
Khấu hao lợi thế thương mại	59.243	26.047	-	-
Khấu hao tài sản cố định	39.427	59.738	2.990	9.183
Nghiên cứu và phát triển	14.022	16.251	-	-
Thuê hệ thống và dịch vụ công nghệ thông tin	52.969	6.091	-	-
Thuê văn phòng	14.376	11.057	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	105.247	56.382	9.015	22.703
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác (*)	4.362	56.246	366.624	11.419
	<b>706.709</b>	<b>505.856</b>	<b>422.720</b>	<b>69.878</b>

(\*) Bao gồm trong Chi phí quản lý doanh nghiệp khác là chi phí cho một công ty con.

**34. Thu nhập khác**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND Phân loại lại	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND Phân loại lại
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1.960	1.520	-	-
Thu nhập khác	21.359	15.528	7.538	8.379
	<b>23.319</b>	<b>17.048</b>	<b>7.538</b>	<b>8.379</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Chi phí khác**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND Phân loại lại	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND Phân loại lại
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang và tài sản khác	3.758	3.913	-	1.433
Chi phí khác	20.808	1.015	50	-
	24.566	4.928	50	1.433

**36. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND
<b>Chi phí thuế thu nhập</b>				
Năm hiện hành	296.999	336.703	-	-
Dự phòng thừa trong những kỳ/năm trước	(3)	(7.215)	-	-
	296.996	329.488	-	-
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Phát sinh và hoàn nhập chênh lệch tạm thời	(72.252)	(49.157)	-	-
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	11.700	-	-	-
	(60.552)	(49.157)	-	-
Chi phí thuế thu nhập	236.444	280.331	-	-



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

**Tập đoàn**

	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015		Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014	
	%	Triệu VND	%	Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế	100,00%	909.282	100,00%	236.309
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	22,00%	200.042	22,00%	51.988
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các công ty con	(0,53%)	(4.804)	3,17%	7.486
Ảnh hưởng của các giao dịch nội bộ trong tập đoàn	(0,23%)	(2.114)	21,22%	50.146
Sử dụng tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời	0,19%	1.736	-	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	8,81%	80.093	5,16%	12.198
Ảnh hưởng của kết quả thuần từ các công ty liên kết	(6,09%)	(55.392)	(3,86%)	(9.129)
Ảnh hưởng của thuế suất khác nhau cho các chênh lệch tạm thời	1,08%	9.839	-	-
Tài sản thuế hoãn lại chưa được ghi nhận	21,66%	196.978	92,47%	218.523
Thu nhập miễn thuế	0,16%	1.417	-	-
Ưu đãi thuế	(15,40%)	(140.071)	-	-
Dự phòng thừa trong kỳ/năm trước	0,00%	(3)	(3,05%)	(7.215)
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	-	-	(16,91%)	(39.967)
Ảnh hưởng của lãi từ các công ty liên kết	(0,24%)	(2.211)	-	-
Lỗi tính thuế đã sử dụng	(5,40%)	(49.066)	(1,57%)	(3.699)
	26,00%	236.444	118,63%	280.331

**Công ty**

	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015		Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014	
	%	Triệu VND	%	Triệu VND
(Lỗ)lợi nhuận trước thuế	100%	(368.647)	100%	3.015.959
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	22,00%	(81.102)	22,00%	663.511
Thu nhập miễn thuế	-	-	23,12%	(697.191)
Chi phí không được khấu trừ thuế	21,53%	79.366	0,02%	545
Tài sản thuế hoãn lại chưa được ghi nhận	0,47%	1.736	1,10%	33.135
	-	-	-	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp (“TTNDN”) bằng 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Các công ty con của Công ty hưởng các mức ưu đãi miễn giảm thuế suất khác nhau.

**(d) Các khoản thuế tiềm tàng**

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và điều tra của các cơ quan thuế khác nhau, cơ quan có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của họ, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và có thể gây ảnh hưởng đáng kể.

**37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Cùng với số dư của bên liên quan và các giao dịch trình bày trong thuyết minh khác trong báo cáo tài chính này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

**Tập đoàn**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND</b>
<b>Ban quản lý chủ chốt</b>	Thù lao trả cho ban quản lý chủ chốt (*)	27.995	19.998

(\*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2014.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**Công ty**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND</b>
<b>Các công ty con</b>			
Công ty TNHH Một Thành Viên MasanConsumerHoldings	Thu nhập lãi cho vay Thu nhập từ cổ tức Bán cổ phiếu cho một công ty con Khoản vay cấp cho công ty con Khoản cho vay thu từ công ty con	- - - - -	1.523 1.928.252 3.591.682 160.865 154.200
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San)	Khoản vay nhận từ công ty con Chi phí lãi từ khoản vay dài hạn Thu nhập từ cổ tức Thanh toán khoản vay cho một công ty con thông qua các hợp đồng chuyển nhượng các khoản cho vay cho một công ty con khác Thanh toán khoản vay cho một công ty con thông qua cân trừ cổ tức Thanh toán chi phí lãi cho một công ty con thông qua các hợp đồng chuyển nhượng các khoản cho vay cho một công ty con khác Mua một công ty con	- - - - - - - -	735.000 222.980 1.240.800 7.709.298 1.435.702 2.831.626 1.246.496
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery	Khoản vay cấp cho công ty con Khoản cho vay thu từ công ty con Thu nhập lãi cho vay	- 79.569 1.346	475.657 452.577 24.831
Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tầm nhìn Ma San)	Khoản vay cấp cho công ty con Thu nhập lãi cho vay	3.196 266.295	932.463 225.536
Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San	Thu nhập lãi cho vay	37.457	105.411
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản	Thu nhập lãi cho vay Khoản vay cấp cho một công ty con Hỗ trợ tài chính	- 11.322 360.000	110.588 210.000 -
Công ty TNHH Kenji	Chi phí lãi vay Khoản cho vay thu từ công ty con	7.996 629.000	- -
<b>Ban quản lý chủ chốt</b>	Thù lao trả cho ban quản lý chủ chốt (*)	4.701	2.909

(\*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2014.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**38. Lãi trên cổ phiếu**

**(a) Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu trong giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 363.826 triệu VND (lỗ thuần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 333.330 triệu VND) của Tập đoàn và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ là 747.258.493 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 746.361.691 cổ phiếu).

Cho mục đích tính lãi cơ bản trên cổ phiếu, cổ phiếu có thể được phát hành sau một thời gian xác định được coi là cổ phiếu đang lưu hành kể từ ngày phát sinh quyền đối với các cổ phiếu này được tính như sau:

**(i) Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND</b>
Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông	363.826	(333.330)

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014</b>
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	735.808.140	734.911.338
Ảnh hưởng của cổ phiếu sẽ phải phát hành qua thời gian	11.450.353	11.450.353
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền tại thời điểm cuối kỳ	747.258.493	746.361.691

**(b) Lợi nhuận/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận/(lỗ) phân bổ cho cổ đông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành sau khi điều chỉnh cho ảnh hưởng của tất cả cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông (suy giảm)**

	<b>Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 Triệu VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Triệu VND</b>
Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông	363.826	(333.330)

Cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm không ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (từ ngày 1/1/2014 đến 30/6/2014: Không).

**(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (suy giảm)**

	<b>Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (cơ bản)	747.258.493	746.361.691
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm	4.815.038	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (suy giảm)	752.073.531	746.361.691

**39. Chi trả bằng cổ phiếu**

Công ty có kế hoạch trả thù lao bằng cổ phiếu dựa trên việc đánh giá thành tích của nhân viên. Việc phát hành cổ phiếu trong tương lai theo kế hoạch này phải được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Vào ngày 13 tháng 7 năm 2015, vốn cổ phần của công ty tăng từ 7.358.081 triệu VND lên 7.467.179 triệu VND bằng việc phát hành thêm 10.909.721 cổ phiếu cho nhân viên trong kế hoạch trả thù lao bằng cổ phiếu.

**40. Quản lý rủi ro tài chính**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm thiết lập, phát triển và quản lý các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng với Tập đoàn và Công ty, và phát sinh chủ yếu từ phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản tiền gửi ngân hàng, các đảm bảo phát hành cho ngân hàng nhằm đảm bảo cho các khoản vay của các đơn vị trong Tập đoàn.

**(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Bảng sau phản ánh rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn và Công ty:

Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
	30/6/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND	30/6/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND
Tiền và các khoản tương đương tiền (ii)	9.548.666	5.164.983	444.105	517.127
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (ii)	2.067.123	4.042.212	11.273	239.614
Phải thu khách hàng – ngắn hạn (iii)	1.743.992	4.346.998	18.883	3.072.190
Phải thu khác – ngắn hạn (iii)	686.079	522.735	292.047	1.041.347
Phải thu khách hàng – dài hạn (iii)	18.883	-	18.883	-
Phải thu từ cho vay dài hạn (iv)	6.830.337	-	4.169.874	2.283.927
Phải thu dài hạn khác (iii)	1.399.719	1.397.179	3.747.949	2.732.322
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn (ii)	-	144.050	-	-
Đảm bảo đã phát hành (v)	100.000	65.884	-	3.738.876
	<b>22.394.799</b>	<b>15.684.041</b>	<b>8.703.014</b>	<b>13.625.403</b>

**(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn và dài hạn**

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn và dài hạn được gửi tại các tổ chức tài chính theo quy định. Các khoản đầu tư và các giao dịch bao gồm các công cụ tài chính phái sinh chỉ được phép thực hiện với các bên đối tác sau khi được Ban Giám đốc đánh giá. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này hoặc các tổ chức tín dụng này có thể mất khả năng trả nợ.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Phải thu khách hàng – ngắn hạn và dài hạn, và phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn**

Ảnh hưởng rủi ro tín dụng của Tập đoàn và Công ty liên quan đến các khoản phải thu chủ yếu ảnh hưởng bởi đặc điểm của từng khách hàng hoặc một bên đối tác. Đối phó với những rủi ro này, Tập đoàn giao dịch với các khách hàng bằng tiền mặt theo các điều khoản bàn giao. Trong trường hợp khách hàng được cấp điều kiện tín dụng, Ban Giám đốc sẽ thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi đưa ra các điều khoản thanh toán chuẩn cho khách hàng đó.

Giá trị ghi sổ của phải thu khách hàng – ngắn hạn và dài hạn, và phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn phản ánh mức độ ảnh hưởng rủi ro tín dụng tối đa.

Tập đoàn lập dự phòng phải thu khó đòi phản ánh ước tính khoản lỗ phát sinh liên quan đến phải thu khách hàng, phải thu từ cho vay và phải thu khác.

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	<b>Tập đoàn</b>	
	<b>Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 31/12/2014</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Số dư đầu kỳ	2.064	1.784
Mua một công ty con	24.864	-
Tăng dự phòng trong kỳ/năm	-	501
Sử dụng dự phòng trong kỳ/năm	(52)	(151)
Hoàn nhập	(384)	(70)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	26.492	2.064
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)**

**và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tập đoàn và Công ty tin rằng, ngoài số tiền trình bày ở trên, không có khoản dự phòng nợ khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015. Bảng phân tích tuổi nợ phải thu khách hàng – ngắn hạn và dài hạn và phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn như sau:

	<u>Tập đoàn</u>				<u>Công ty</u>			
	30/6/2015		1/1/2015		30/6/2015		1/1/2015	
	Gộp Triệu VND	Lỗ giảm giá Triệu VND	Gộp Triệu VND	Lỗ giảm giá Triệu VND	Gộp Triệu VND	Lỗ giảm giá Triệu VND	Gộp Triệu VND	Lỗ giảm giá Triệu VND
Trong hạn	3.749.470	-	6.155.593	-	4.079.731	-	6.855.545	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	69.692	-	126.643	-	-	-	-	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	2.006	(99)	38.557	(456)	-	-	-	-
Quá hạn từ 181– 365 ngày	2.239	(1.525)	537	(537)	-	-	-	-
Quá hạn trên 365 ngày	25.266	(24.868)	1.071	(1.071)	-	-	-	-
	3.848.673	(26.492)	6.322.401	(2.064)	4.079.731	-	6.855.545	-



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(iv) Phải thu từ cho vay**

Tập đoàn chịu ảnh hưởng rủi ro tín dụng liên quan đến phải thu từ cho vay dài hạn là một phần trong hoạt động quản lý tiền của Tập đoàn nhằm tối đa hóa thu nhập tài chính từ các tài sản có tính thanh khoản cao. Để giảm thiểu rủi ro tín dụng, khoản phải thu này được bảo đảm, bảo lãnh tín dụng và được ban Giám đốc thường xuyên theo dõi.

**(v) Các đảm bảo**

Tập đoàn cũng có rủi ro tín dụng đối với các khoản đảm bảo với các ngân hàng cho các khoản vay cấp cho Công ty TNHH Một Thành Viên Bao bì Minh Việt, một bên thứ ba, và các công ty con của Tập đoàn bao gồm Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghiệp Ma San, Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến, và Công ty TNHH Một Thành Viên Masan HD (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Ma San HD).

Rủi ro này phản ánh khoản lỗ sẽ được ghi nhận khi các bên đi vay mất khả năng thanh toán với bên cho vay. Để loại bỏ rủi ro này, Ban Giám đốc tiếp tục duy trì sự giám sát hiệu quả hoạt động của công ty con và bên thứ ba mà nó bảo lãnh.

**(b) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn và Công ty sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn và Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất có thể rằng Tập đoàn và Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, bất kể điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện khó khăn, mà không phát sinh hoặc ảnh hưởng đến danh tiếng của Tập đoàn và Công ty.

Thông thường Tập đoàn đảm bảo đủ lượng tiền để đáp ứng các chi phí hoạt động kinh doanh, gồm việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính; ngoại trừ ảnh hưởng tiềm tàng của các trường hợp ngoài dự kiến, như thảm họa thiên nhiên.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 1 tháng 1 năm 2015, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

**Tập đoàn**

	<b>Giá trị ghi sổ Triệu VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm Triệu VND</b>	<b>1 – 2 năm Triệu VND</b>	<b>2 – 5 năm Triệu VND</b>	<b>Trên 5 năm Triệu VND</b>
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>						
Phải trả người bán – ngắn hạn	2.359.794	(2.359.794)	(2.359.794)	-	-	-
Phải trả nhân viên	166.577	(166.577)	(166.577)	-	-	-
Chi phí phải trả – ngắn hạn	2.621.027	(2.621.027)	(2.621.027)	-	-	-
Phải trả khác – ngắn hạn, không bao gồm nghĩa vụ phát hành cổ phiếu	278.007	(278.007)	(278.007)	-	-	-
Vay ngắn hạn	5.785.912	(5.901.124)	(5.901.124)	-	-	-
Phải trả người bán – dài hạn	66.663	(66.663)	-	(66.663)	-	-
Phải trả dài hạn khác	81.021	(81.021)	-	(81.021)	-	-
Vay và nợ dài hạn	31.423.390	(42.250.311)	(3.344.283)	(11.178.936)	(24.869.941)	(2.857.151)
	42.782.391	(53.724.524)	(14.670.812)	(11.326.620)	(24.869.941)	(2.857.151)

	<b>Giá trị ghi sổ Triệu VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm Triệu VND</b>	<b>1 – 2 năm Triệu VND</b>	<b>2 – 5 năm Triệu VND</b>	<b>Trên 5 năm Triệu VND</b>
<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>						
Phải trả người bán – ngắn hạn	999.340	(999.340)	(999.340)	-	-	-
Phải trả nhân viên	258	(258)	(258)	-	-	-
Chi phí phải trả – ngắn hạn	1.862.531	(1.862.531)	(1.862.531)	-	-	-
Phải trả khác – ngắn hạn	1.866.738	(1.866.738)	(1.866.738)	-	-	-
Vay ngắn hạn	5.329.971	(5.394.075)	(5.394.075)	-	-	-
Phải trả dài hạn khác, không bao gồm nghĩa vụ phát hành cổ phiếu	117.340	(117.340)	-	(117.340)	-	-
Vay và nợ dài hạn	18.234.277	(24.596.493)	(1.689.081)	(9.392.100)	(10.574.829)	(2.940.483)
	28.410.455	(34.836.775)	(11.812.023)	(9.509.440)	(10.574.829)	(2.940.483)

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**Công ty**

	<b>Giá trị ghi sổ Triệu VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm Triệu VND</b>	<b>1 – 2 năm Triệu VND</b>	<b>2 – 5 năm Triệu VND</b>
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>					
Phải trả người bán – ngắn hạn	390	(390)	(390)	-	-
Chi phí phải trả	223.648	(223.648)	(223.648)	-	-
Phải trả khác – ngắn hạn, không bao gồm nghĩa vụ phát hành cổ phiếu	120.525	(120.525)	(120.525)	-	-
Vay và nợ dài hạn không bao gồm các công cụ nợ phải sinh	5.896.960	(6.192.935)	(601.348)	(4.920.125)	(671.462)
	<b>6.241.523</b>	<b>(6.537.498)</b>	<b>(945.911)</b>	<b>(4.920.125)</b>	<b>(671.462)</b>

	<b>Giá trị ghi sổ Triệu VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm Triệu VND</b>	<b>1 – 2 năm Triệu VND</b>	<b>2 – 5 năm Triệu VND</b>
<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>					
Phải trả người bán – ngắn hạn	1.451	(1.451)	(1.451)	-	-
Chi phí phải trả	215.239	(215.239)	(215.239)	-	-
Phải trả khác – ngắn hạn	1.555.324	(1.555.324)	(1.555.324)	-	-
Phải trả dài hạn khác, không bao gồm nghĩa vụ phát hành cổ phiếu	14.580	(14.580)	-	(14.580)	-
Vay và nợ dài hạn không bao gồm các công cụ nợ phải sinh	5.267.960	(6.263.385)	(1.166.805)	(5.096.580)	-
	<b>7.054.554</b>	<b>(8.049.979)</b>	<b>(2.938.819)</b>	<b>(5.111.160)</b>	<b>-</b>

Ban Giám đốc không kỳ vọng rằng các dòng tiền được trình bày trên bảng phân tích khả năng đáo hạn của Tập đoàn và Công ty có thể phát sinh sớm hơn một cách đáng kể, hoặc có những giá trị chênh lệch đáng kể.

**(c) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn và Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn và Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Tập đoàn và Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái đối với các giao dịch bán hàng, mua hàng và các khoản vay có gốc bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của các công ty thành viên trong Tập đoàn. Loại tiền tệ sử dụng trong các giao dịch này chủ yếu có gốc bằng Đô la Mỹ (USD), Đồng Euro (EUR), Đô la Úc (AUD), Đô la Sing (SGD), Thai Baht (THB), và Đồng Nhân dân tệ (CNY).

Đối với các khoản mục tài sản và nợ phải trả tiền tệ có gốc bằng ngoại tệ, chính sách của Tập đoàn là đảm bảo mức rủi ro tiền tệ thuần được giữ ở một mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn và Công ty có các khoản tài sản/(nợ phải trả) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	Tập đoàn						Công ty
	USD	EUR	AUD	SGD	THB	CNY	USD
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>							
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.429.097	14.506	-	369	-	-	7.031
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	21.520.222	-	-	-	75.831	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác (**)	(13.162.693)	(2.351.042)	(2.614.035)	(1.955.251)	(591.310)	(10.457.633)	(347.123)
Vay ngắn hạn	(87.073.355)	-	-	-	-	-	-
Vay dài hạn	(175.000.000)	-	-	-	-	-	-
Các khoản nợ dài hạn khác	(1.052.930)	-	(2.383.578)	-	-	-	(700.000)
	(243.339.659)	(2.336.536)	(4.997.613)	(1.954.882)	(515.479)	(10.457.633)	(1.040.092)
<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>							
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.141.772	179.401	-	-	-	-	7.064
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	18.276.662	-	-	-	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác (**)	(3.805.647)	(3.003.750)	(1.200.202)	(138.555)	(3.380.904)	(1.955.251)	(302.466)
Chi phí phải trả	(2.631.637)	-	-	-	-	-	-
Vay ngắn hạn	(52.283.698)	-	-	-	-	-	-
Vay dài hạn	(175.000.000)	-	-	-	-	-	-
Các khoản nợ dài hạn khác	-	-	-	-	-	-	(700.000)
	(206.302.548)	(2.824.349)	(1.200.202)	(138.555)	(3.380.904)	(1.955.251)	(995.402)

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (\*) *Phải thu khách hàng và phải thu khác gồm khoản phải thu khách hàng – ngắn hạn và dài hạn, phải thu từ cho vay – dài hạn và phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn.*
- (\*\*) *Phải trả người bán và phải trả khác gồm khoản phải trả người bán – ngắn hạn, phải trả nhân viên, chi phí phải trả và phải trả khác – ngắn hạn.*

Bảng sau đây trình bày những tỷ giá hối đoái chính áp dụng bởi Tập đoàn và Công ty:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Tỷ giá hối đoái tại 30/6/2015 VND	Tỷ giá hối đoái tại 1/1/2015 VND	Tỷ giá hối đoái tại 30/6/2015 VND	Tỷ giá hối đoái tại 1/1/2015 VND
1 USD	21.850	21.365	21.780	21.365
1 EUR	24.662	25.702	-	-
1 AUD	16.936	17.291	-	-
1 SGD	16.324	15.974	-	-
1 THB	663	634	-	-
1 CNY	3.572	3.395	-	-

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn và lợi nhuận/(lỗ) trước thuế của Công ty thông qua sự biến động của các loại tiền tệ sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các yếu tố khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất.

	<u>Tập đoàn</u> Tăng/(giảm) lợi nhuận trước thuế tại 30/6/2015 Triệu VND	<u>Công ty</u> Giảm lợi nhuận trước thuế tại 30/6/2015 Triệu VND
USD (tăng lên 2%)	(106.339)	(455)
EUR (giảm đi 4%)	2.305	-
AUD (giảm đi 2%)	1.693	-
SGD (tăng lên 2%)	(638)	-
THB (giảm đi 5%)	(17)	-
CNY (tăng lên 5%)	(1.868)	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Tập đoàn</b> <b>Tăng/(giảm)</b> <b>lợi nhuận</b> <b>trước thuế tại</b> <b>1/1/2015</b> <b>Triệu VND</b>	<b>Công ty</b> <b>Giảm lỗ</b> <b>trước thuế tại</b> <b>1/1/2015</b> <b>Triệu VND</b>
USD (tăng lên 1%)	(44.077)	(288)
EUR (giảm đi 11%)	7.985	-
AUD (giảm đi 8%)	1.660	-
SGD (giảm đi 2%)	44	-
THB (tăng lên 1%)	(21)	-
CNY (giảm đi 2%)	133	-

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận/(lỗ) trước thuế của Tập đoàn và Công ty tại ngày lập báo cáo.

***Rủi ro lãi suất***

Mức biến động lãi suất của Tập đoàn và Công ty chủ yếu liên quan đến tài sản tài chính và nợ phải trả có lãi suất thả nổi. Rủi ro lãi suất được quản lý bởi Tập đoàn và Công ty trên cơ sở liên tục với mục tiêu chính là giảm thiểu chi phí lãi vay có khả năng chịu ảnh hưởng bởi các biến động bất lợi về lãi suất.

Tập đoàn và Công ty không sử dụng công cụ tài chính để phòng ngừa rủi ro biến động về lãi suất đối với các khoản vay chịu lãi suất.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày báo cáo, tình hình lãi suất của các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn và Công ty như sau:

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
<b>Công cụ chịu lãi suất cố định</b>				
Tương đương tiền	8.864.203	4.863.445	431.850	507.350
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	2.067.123	4.042.212	11.273	239.614
Phải thu ngắn hạn về cho vay từ các công ty con	-	-	-	2.172.320
Phải thu dài hạn về cho vay từ một bên thứ ba	6.830.337	-	-	-
Phải thu dài hạn về cho vay từ các công ty con	-	-	4.169.874	2.283.927
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	-	144.050	-	-
Vay ngắn hạn	(3.853.983)	(3.568.345)	-	-
Phải trả khác – ngắn hạn	(52.071)	-	-	-
Vay dài hạn	(3.924.342)	(2.667.960)	(1.567.960)	(567.960)
Phải trả dài hạn khác	(52.214)	-	-	-
	<b>9.879.053</b>	<b>2.813.402</b>	<b>3.045.037</b>	<b>4.635.251</b>
<b>Công cụ chịu lãi suất thả nổi</b>				
Tiền gửi ngân hàng	670.790	301.538	12.255	9.777
Vay ngắn hạn	(1.931.929)	(1.761.626)	-	-
Vay dài hạn	(27.499.048)	(15.566.317)	(3.745.824)	(4.700.000)
	<b>(28.760.187)</b>	<b>(17.026.405)</b>	<b>(3.733.569)</b>	<b>(4.690.223)</b>

**Phân tích độ nhạy cảm của các công cụ chịu lãi suất thả nổi**

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản của lãi suất sẽ làm giảm lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn và Công ty lần lượt là 287.602 triệu VND (1/1/2015: 170.026 triệu VND) và 37.458 triệu VND (1/1/2015: 46.902 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Ước tính giá trị hợp lý**

*Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn, phải thu khách hàng – ngắn hạn, phải thu từ cho vay – ngắn hạn, phải thu khác – ngắn hạn, phải trả người bán – ngắn hạn và nợ phải trả tài chính khác*

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính này xấp xỉ giá trị hợp lý do tính ngắn hạn của các công cụ này.

*Phải thu khách hàng – dài hạn, phải thu từ cho vay – dài hạn, phải thu khác – dài hạn, các khoản đầu tư tài chính dài hạn, vay ngắn hạn, vay dài hạn, các đảm bảo đã phát hành và các quyền chọn mua và bán*

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Các đảm bảo đã nhận và đã phát hành được phân loại là tài sản và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhưng chúng chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính. Giá trị hợp lý của các đảm bảo đã nhận và đã phát hành chưa được xác định bởi vì chúng không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

**(e) Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ tài chính**

Bảng sau đây tóm tắt giá trị ghi sổ của tài sản tài chính và nợ tài chính cùng được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo phân loại của Thông tư 210 như sau:



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**Tập đoàn**

	<b>Cho vay và phải thu Triệu VND</b>	<b>Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ Triệu VND</b>	<b>Tổng giá trị ghi sổ Triệu VND</b>
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.555.419	-	9.555.419
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	2.067.123	-	2.067.123
Phải thu khách hàng và phải thu khác – ngắn hạn (*)	2.428.089	-	2.428.089
Phải thu dài hạn về cho vay	6.830.337	-	6.830.337
Phải thu khách hàng và phải thu khác – dài hạn (*)	1.455.821	-	1.455.821
	<b>22.336.789</b>		<b>22.336.789</b>
Phải trả người bán – ngắn hạn	-	(2.359.794)	(2.359.794)
Phải trả nhân viên	-	(166.577)	(166.577)
Chi phí phải trả	-	(2.621.027)	(2.621.027)
Phải trả khác – ngắn hạn	-	(338.568)	(338.568)
Vay ngắn hạn	-	(5.785.912)	(5.785.912)
Phải trả người bán – dài hạn	-	(66.663)	(66.663)
Phải trả dài hạn khác	-	(81.021)	(81.021)
Vay và nợ dài hạn (***)	-	(31.066.979)	(31.066.979)
	<b>-</b>	<b>(42.486.541)</b>	<b>(42.486.541)</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Cho vay và phải thu Triệu VND</b>	<b>Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ Triệu VND</b>	<b>Tổng giá trị ghi sổ Triệu VND</b>
<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.166.415	-	5.166.415
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	4.042.212	-	4.042.212
Phải thu khách hàng và phải thu khác – ngắn hạn (*)	4.872.704	-	4.872.704
Phải thu dài hạn khác	1.447.633	-	1.447.633
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	144.050	-	144.050
	<b>15.673.014</b>	<b>-</b>	<b>15.673.014</b>
Phải trả người bán – ngắn hạn	-	(999.340)	(999.340)
Phải trả nhân viên	-	(258)	(258)
Chi phí phải trả	-	(1.862.531)	(1.862.531)
Phải trả khác – ngắn hạn	-	(1.866.738)	(1.866.738)
Vay ngắn hạn	-	(5.329.971)	(5.329.971)
Phải trả dài hạn khác	-	(177.901)	(177.901)
Vay và nợ dài hạn (**)	-	(18.234.277)	(18.234.277)
	<b>-</b>	<b>(28.471.016)</b>	<b>(28.471.016)</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**Công ty**

	<b>Cho vay và phải thu Triệu VND</b>	<b>Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ Triệu VND</b>	<b>Tổng giá trị ghi sổ Triệu VND</b>
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	444.257	-	444.257
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	11.273	-	11.273
Phải thu khách hàng và phải thu khác – ngắn hạn (*)	310.960	-	310.960
Phải thu khách hàng và phải thu khác – dài hạn (*)	3.768.771	-	3.768.771
Phải thu từ cho vay dài hạn	4.169.874	-	4.169.874
	<b>8.705.135</b>	<b>-</b>	<b>8.705.135</b>
Phải trả người bán – ngắn hạn	-	(390)	(390)
Chi phí phải trả	-	(223.648)	(223.648)
Phải trả khác – ngắn hạn	-	(181.086)	(181.086)
Vay và nợ dài hạn (**)	-	(5.873.099)	(5.873.099)
	<b>-</b>	<b>(6.278.223)</b>	<b>(6.278.223)</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Cho vay và phải thu Triệu VND</b>	<b>Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ Triệu VND</b>	<b>Tổng giá trị ghi sổ Triệu VND</b>
<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	517.251	-	517.251
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	239.614	-	239.614
Phải thu khách hàng và phải thu khác – ngắn hạn (*)	4.113.842	-	4.113.842
Phải thu ngắn hạn về cho vay	2.172.320	-	2.172.320
Phải thu dài hạn về cho vay	2.283.927	-	2.283.927
Phải thu dài hạn khác	2.741.703	-	2.741.703
	12.068.657	-	12.068.657
Phải trả người bán ngắn hạn	-	(1.451)	(1.451)
Chi phí phải trả	-	(215.239)	(215.239)
Phải trả ngắn hạn khác	-	(1.555.324)	(1.555.324)
Phải trả dài hạn khác	-	(75.141)	(75.141)
Vay và nợ dài hạn	-	(5.267.960)	(5.267.960)
	-	(7.115.115)	(7.115.115)
	12.068.657	-	12.068.657

(\*) *Phải thu khách hàng và phải thu khác bao gồm phải thu khách hàng – ngắn hạn, phải thu từ cho vay – ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác.*

(\*\*) *Vay và nợ dài hạn bao gồm vay dài hạn và nợ phải trả dài hạn khác.*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**41. Số liệu so sánh**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 và Thông tư 202 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước và sau khi được phân loại lại như sau:

**(a) Bảng cân đối kế toán**

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>1/1/2015</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>1/1/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>(phân loại lại)</b>	<b>(theo báo cáo trước đây)</b>	<b>(phân loại lại)</b>	<b>(theo báo cáo trước đây)</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Phải thu từ cho vay – ngắn hạn	-	-	2.172.320	-
Phải thu khác – ngắn hạn	527.770	490.742	1.041.652	3.183.613
Tài sản thiếu chờ xử lý	13.615	-	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	-	50.643	-	30.359
Phải thu từ cho vay dài hạn	-	-	2.283.927	-
Phải thu dài hạn khác	1.447.633	1.387.798	2.741.703	5.016.249
Đầu tư vào công ty liên kết	8.601.126	8.597.526	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	144.050	147.650	-	-
Tài sản dài hạn khác	-	59.835	-	9.381
Vốn khác của chủ sở hữu	(9.045.049)	97.703	(1.488.972)	97.703
Vốn khác	-	(9.142.752)	-	(1.586.675)

**(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>Từ 1/1/2014</b>	<b>Từ 1/1/2014</b>	<b>Từ 1/1/2014</b>	<b>Từ 1/1/2014</b>
	<b>đến 30/6/2014</b>	<b>đến 30/6/2014</b>	<b>đến 30/6/2014</b>	<b>đến 30/6/2014</b>
	<b>(phân loại lại)</b>	<b>(theo báo cáo trước đây)</b>	<b>(phân loại lại)</b>	<b>(theo báo cáo trước đây)</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Tổng doanh thu	6.955.510	6.943.236	-	-
Giá vốn hàng bán	4.280.137	4.211.235	-	-
Chi phí bán hàng	1.273.243	1.339.903	-	-
Thu nhập khác	17.048	96.652	8.379	67.865
Chi phí khác	4.928	74.500	1.433	60.919

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)  
và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## **42. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

### ***Tăng vốn cổ phần của Công ty***

Vào ngày 13 tháng 7 năm 2015, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 7.358.081 triệu VND lên 7.467.179 triệu VND bằng việc phát hành thêm 10.909.721 cổ phiếu cho nhân viên.

### ***Niêm yết Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San (“MR”)***

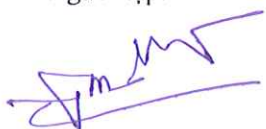
Trong quá trình chuẩn bị niêm yết và giao dịch cổ phần của mình trên một sàn chứng khoán, ngày 29 tháng 7 năm 2015, Công ty Cổ phần Tài Nguyên Ma San (“MR”) đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê chuẩn hồ sơ đăng ký trở thành công ty đại chúng. MR cũng đã nộp hồ sơ đăng ký cổ phần của mình tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và dự kiến sẽ được chấp thuận lưu ký cổ phiếu trong trong giai đoạn sáu tháng cuối năm 2015.

### ***Thanh toán trước ngày đáo hạn của khoản vay dài hạn***

Vào ngày 14 tháng 8 năm 2015, toàn bộ số dư khoản vay dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 với số tiền gốc là 175 triệu USD (tương đương 3.823.750 triệu VND) cùng với lãi vay lũy kế và các chi phí liên quan khác đã được thanh toán trước hạn bởi một công ty con của Tập đoàn, giao dịch này giúp cho Tập đoàn không còn vay dài hạn có gốc ngoại tệ cũng như rủi ro tỷ giá hối đoái liên quan.

Ngày 27 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên  
*Kế toán trưởng*

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen  
*Phó Tổng Giám đốc  
Giám đốc Tài chính*

